AN CƯỜNG®
Wood - Working Materials

CABINETPro®

Ver01-2019

CABINETPro®

An Cuong pioneers to apply CabinetPro Software, which is a solution providing a full package of furniture to apartments and hotels projects basing on modular structure and standardized materials, hardware and appliances.

CabinetPro offers a complete of furniture products including kitchen cabinets, wardrobes, TV cabinets, beds, nightstands, etc. Each of finished products is strictly supervised to ensure the best quality to end-customers. The whole machinery system is imported from Europe.

CabinetPro helps to optimize customers' time in the whole process including consultancy, production and in-stallation by using available source of various types and colors. All products can be customized in dimensions, colors and materials to meet clients' requirements

Công ty cổ phần gỗ An Cường là công ty tiên phong áp dụng phần mềm CabinetPro. Đây là phần mềm cung cấp giải pháp toàn diện về nội thất cho căn hộ và khách sạn dựa trên nền tảng modun hoá và tiêu chuẩn hoá các vật liệu, phụ kiện và thiết bị.

CabinetPro cung cấp các sản phẩm: Tủ bếp, tủ áo, tủ giày, kệ tivi, giường, tủ đầu giường,.... cho người tiêu dùng thông qua hệ thống phân phối là các công ty thiết kế và thi công. Tất cả các sản phẩm của chúng tôi đều được kiểm soát chất lượng chặt chẽ trong quá trình sản xuất để đảm bảo chất lượng hàng hoá tốt nhất đến với người tiêu dùng. Máy móc phục vụ sản xuất đều được nhập khẩu từ Châu Âu.

CabinetPro giúp các đơn vị thiết kế thi công tối ưu hoá thời gian làm việc với khách hàng của mình từ khâu tư vấn đến khâu sản xuất và lắp đặt nhờ vào việc sử dụng nguồn thư viện có sẵn đa dạng về kiểu dáng và màu sắc. Tất cả các sản phẩm trong thư viện đều có thể điều chỉnh kích thước, màu sắc và vật liệu theo yêu cầu của khách hàng.

INDEX

KITCHEN - HỆ TỦ BẾP **06**

TV CABINET - TỦ TIVI **62**

SHOES CABINET - TỦ GIÀY **104**

BOOKSHELF - KỆ SÁCH **126**

BEDROOM - PHÒNG NGỦ **162**

MỤC LỤC

190 *HEADBOARD* / *WALL PANEL*
VÁCH ĐẦU GIƯỜNG / VÁCH ỐP

202 *TABLE* - BÀN

216 *OFFICE FURNITURE* - TỦ HỒ SƠ

240 *WARDROBE* - TỦ ÁO

262 *VANITY* - TỦ VANITY

KITCHEN

HỆ TỦ BẾP

BEP-01

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4400 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3735 x D370 x H800

3. Island / Đảo bếp
W3010 x D1050 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W1675 x D580 x H2350

MS 427 RL | MS 446 FR | MS 104 SMM

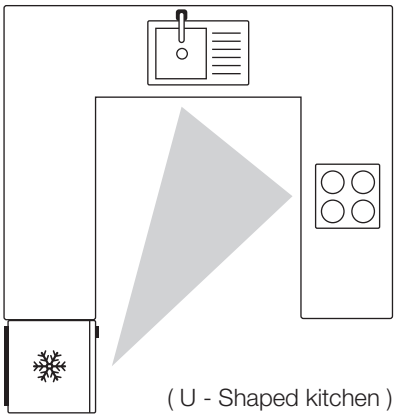

(U - Shaped kitchen)

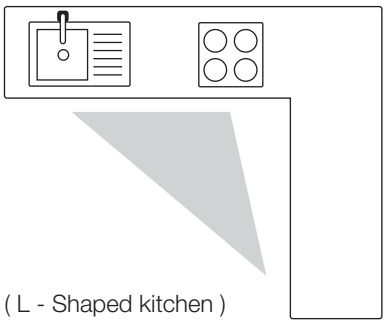

(L - Shaped kitchen)

BEP-02

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3000 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3000 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W2700 x D900 x H850

MS 9205 T | MS 447 SL | PARC 48

PIE MIX

BEP-03

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2200 x D580 x H850
W1800 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1500 x D370 x H700
W1800 x D370 x H700
W2250 x D370 x H350

3. Island / Đảo bếp
W1600 x D700 x H850

4. Island / Bàn đảo
W1700 x D450 x H25

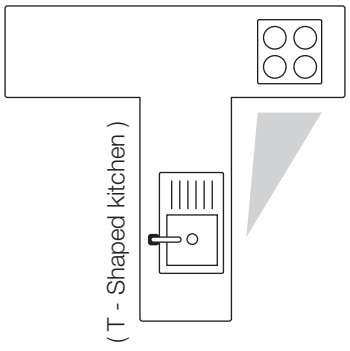

MS 413 MM

MS 201 MM

BEP-04

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W6550 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W4900 x D370 x H1050

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W2050 x D580 x H2400

MS 104 SH | LK 8102G

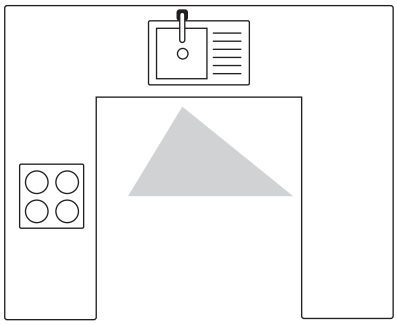

(U - Shaped kitchen)

BEP-05

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2400 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2400 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W2200 x D900 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W2300 x D580 x H2200

MS 106 SH | LK 4553 A

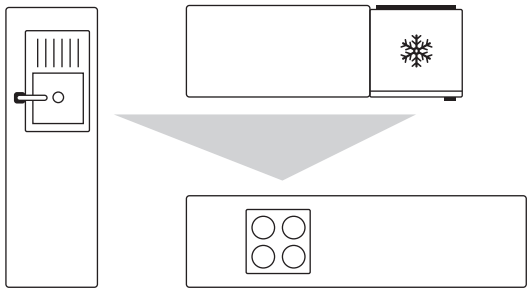

(U - Shaped kitchen)

BEP-06

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3300 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W900 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1250 x D580 x H2200

MS 202 MM | MS 104 MM

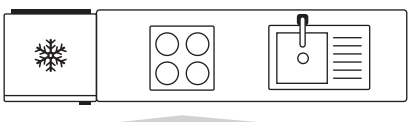

(Stright kitchen)

BEP-07

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2850 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2850 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W1650 x D900 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W1800 x D850 x H1800

MS 104 MM | PARC 01

(T - Shaped kitchen)

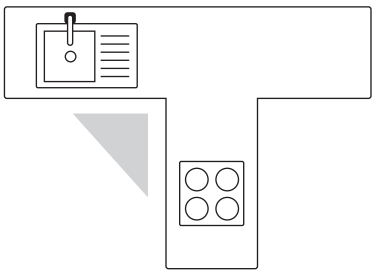

BEP-08

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4300 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W4300 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1000 x D580 x H2200
W400 x D370 x H2200

MS 106 SMM | LK 8102 G

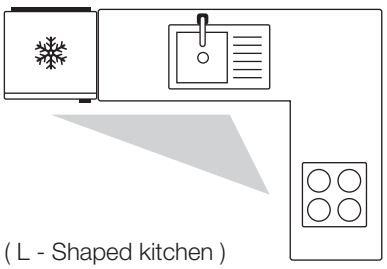

(L - Shaped kitchen)

BEP-09

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W5950 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1800 x D370 x H900

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1200 x D580 x H2200

MS 446 FR | MS 611 EV | PARC 68

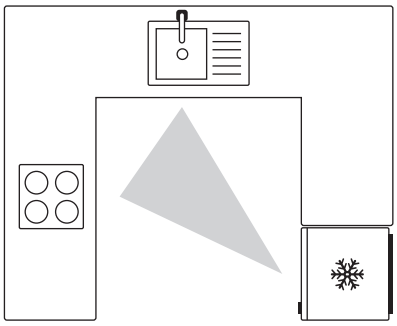

(U - Shaped kitchen)

BEP-10

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3100 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3350 x D370 x H700
W3100 x D370 x H685

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1200 x D580 x H2850

MS 447 SL | PARC 51

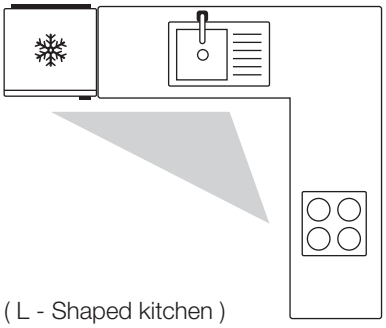

(L - Shaped kitchen)

BEP-11

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3350 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2450 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1250 x D580 x H2200

MS 104 SH | LK 1199 A

(Stright kitchen)

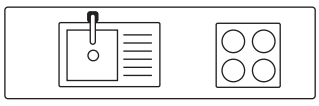

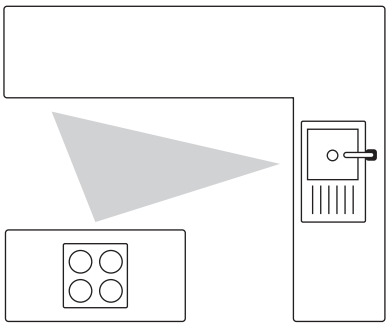

(Parallel kitchen)

BEP-12

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4250 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W4050 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W2000 x D800 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W1200 x D600 x H2200

MS 447 SL | MS 101 MM | LK 1199 A

BEP-13

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2450 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1550 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1250 x D580 x H2200

MS 437 SMM | LK 1198 A

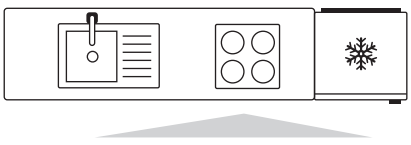

(Stright kitchen)

BEP-14

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3650 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1350 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W650 x D580 x H2200

MS 429 RL | MS 024 SMM | PARC 41

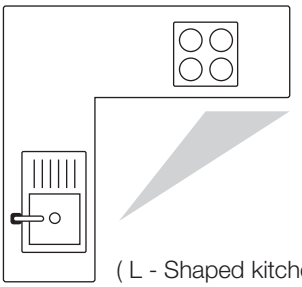

(L - Shaped kitchen)

BEP-15

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4780 x D580 x H850

2. Tall Cabinet / Tủ cao
W1200 x D580 x H2200

MS 104 SH

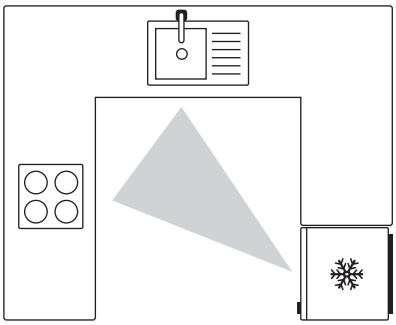

(U - Shaped kitchen)

BEP-16

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3800 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2400 x D370 x H1100

MS 448 NWG | LK 4485 P | PARC 69

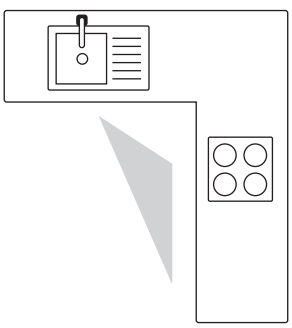

(L - Shaped kitchen)

BEP-17

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3300 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3300 x D370 x H1100

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1300 x D580 x H2550

MS 424 RM | MS 104 SMM

BEP-18

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2750 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1500 x D370 x H700

MS 200 SMM | MS 104 SMM

(Stright kitchen)

BEP-19

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4000 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W4000 x D370 x H1035

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1050 x D580 x H2500

MS 440 NWG | EARC 11

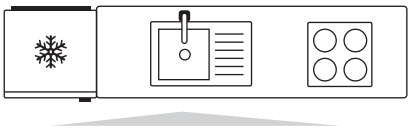

(Stright kitchen)

BEP-20

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W1850 x D580 x H850

2. Island / Đảo bếp
W1500 x D580 x H875

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1225 x D580 x H2200

MS 427 RL | PARC 01

BEP-21

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3590 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2050 x D370 x H1300

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1050 x D580 x H2700

MS 333 PL | MS 025 SMM

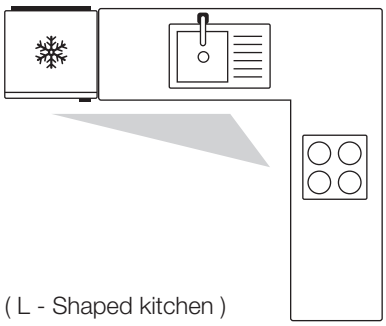

(L - Shaped kitchen)

BEP-22

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2550 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2550 x D370 x H1250

3. Island / Đảo bếp
W1450 x D900 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W1350 x D580 x H2750

MS 611 EV | MS 106 SMM

BEP-23

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2300 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1500 x D370 x H900
W1800 x D370 x H800
W700 x D370 x H900

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W650 x D580 x H2200

MS 443 RL | PARC 70 | PARC 41

BEP-24

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3925 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3925 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W2250 x D580 x H2200

MS 204 SH | MS 411 MM

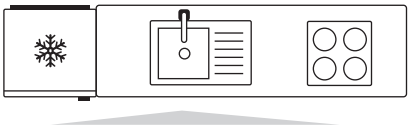

(Stright kitchen)

BEP-25

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W5300 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2930 x D370 x H900

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1300 x D580 x H2400

MS 447 SL | PARC 66

(Parallel kitchen)

BEP-26

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2750 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2750 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1050 x D580 x H2200

MS 104 MM | MS 611 EV | LK 8006G

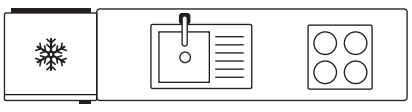

(Stright kitchen)

BEP-27

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W1620 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W900 x D370 x H700

MS 447 SL | MS 104 MM

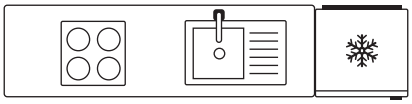

(Stright kitchen)

BEP-28

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2125 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2125 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W650 x D580 x H2200

MS 104 MM

BEP-29

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2100 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2100 x D370 x H1000

3. Island / Đảo bếp
W2800 x D900 x H850

4. Island / Bàn đảo
W1500 x D900 x H886

5. Tall Cabinet / Tủ cao
W2800 x D580 x H2450

MS 611 EV | MS 200 SMM

(Island kitchen)

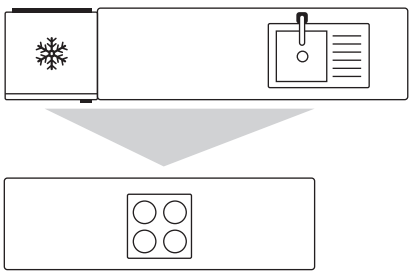

BEP-30

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2300 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2300 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1300 x D580 x H2200

MS 200 MM | LK 1198 A

(Stright kitchen)

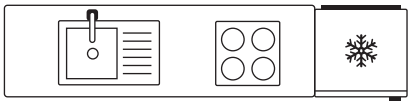

BEP-31

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W1825 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1825 x D370 x H1250

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1650 x D580 x H2800

MS 200 MM | MS 106 SH

BEP-32

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4000 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W4250 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1550 x D580 x H2200

MS 427 RL | MS 025 SMM | MS 999 MM

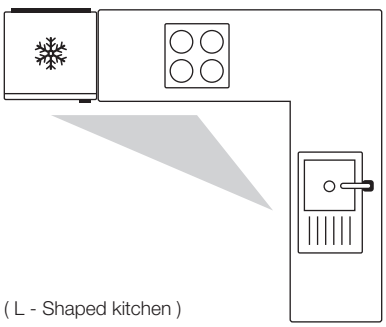

(L - Shaped kitchen)

BEP-33

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3500 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3500 x D370 x H700

MS 439 RL | EARC 11

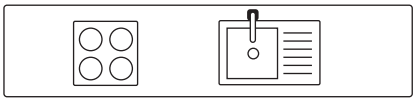

(Stright kitchen)

BEP-34

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2250 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2250 x D370 x H400
W1350 x D370 x H400

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1200 x D580 x H2200

MS 333 PL | EARC 12N

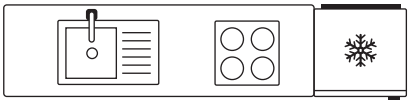

(Stright kitchen)

BEP-35

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3350 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3350 x D370 x H750

3. Island / Đảo bếp
W1600 x D800 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W1600 x D580 x H2250

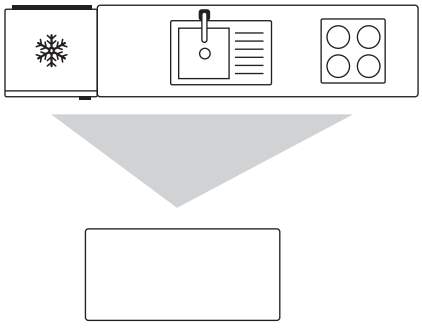

(Island kitchen)

MS 447 SL | PARC 01

BEP-36

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4650 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W3050 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W2400 x D1000 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W1600 x D580 x H2200

LK 4450 A | PARC 01

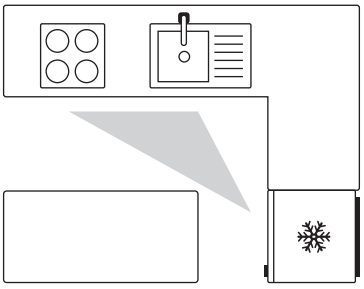

(Island kitchen)

BEP-37

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3650 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2700 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W2800 x D580 x H850

4. Island / Bàn đảo
W2000 x D800 x H25

5. Tall Cabinet / Tủ cao
W1200 x D580 x H2200

MS 447 SL | PARC 01

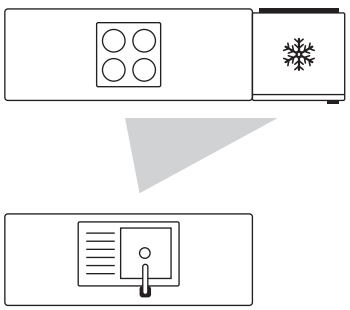

(Island kitchen)

BEP-38

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2100 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W450 x D370 x H700
W700 x D370 x H350

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1650 x D580 x H2200

MS 104 MM

BEP-39

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3670 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2720 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W2400 x D900 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W2275 x D580 x H2200

MS 447 SL | MS 104 SMM

(Island kitchen)

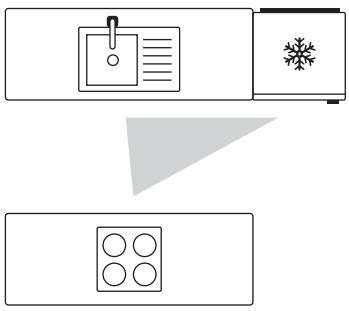

BEP-40

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3400 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2500 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W450 x D370 x H2200

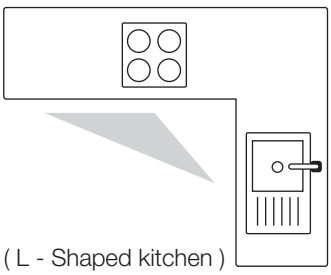

(L - Shaped kitchen)

MS 405 PL | LK 704 A

BEP-41

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2400 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2400 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1500 x D580 x H2200

MS 333 PL

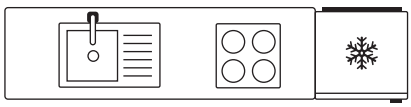

(Stright kitchen)

BEP-42

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W5300 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W5500 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W1780 x D1000 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W1600 x D580 x H2200

MS 337 RM | PARC 30

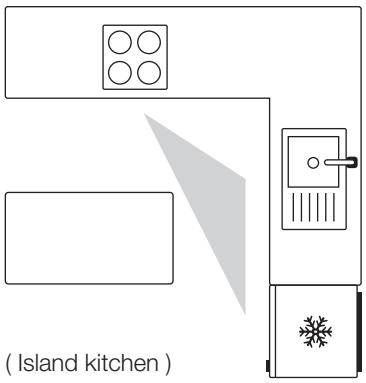

(Island kitchen)

BEP-43

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3000 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W2500 x D370 x H700

3. Island / Đảo bếp
W1850 x D650 x H850

4. Tall Cabinet / Tủ cao
W3000 x D580 x H2200

MS 333 PL | PARC 48

(Parallel kitchen)

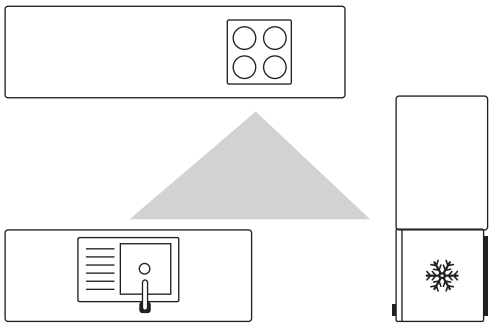

BEP-44

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W4650 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W4200 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W1650 x D580 x H2200

MS 333 PL | EARC 42

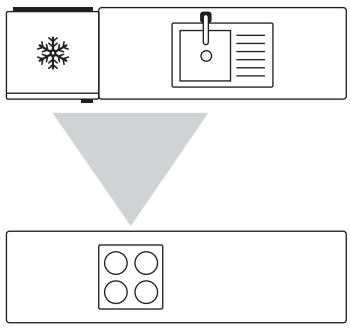

(Parallel kitchen)

BEP-46

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W2400 x D580 x H850

2. Wall Caninet / Tủ bếp trên
W1350 x D370 x H700

3. Tall Cabinet / Tủ cao
W800 x D580 x H2200

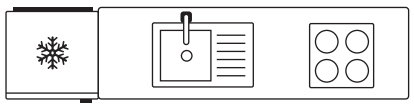

(Stright kitchen)

MS 388 EV | LK 8006 G | PARC 01

(Parallel kitchen)

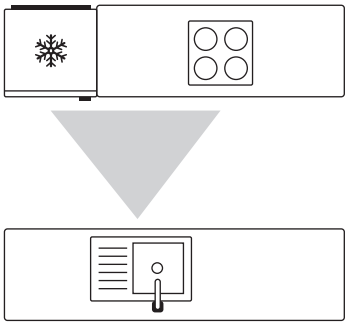

BEP-45

Dimension / Kích thước (mm)

1. Top Cabinet / Tủ bếp dưới
W3600 x D580 x H850

2. Tall Cabinet / Tủ cao
W1250 x D580 x H2200

MS 104 SH | EARC 11

TV CABINET

TỦ TIVI

TVS01

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D450 x H400

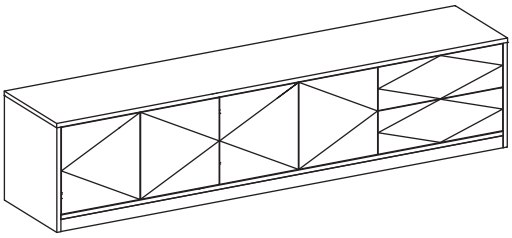

PARC 01

MS 610 RM

TVS02

Dimension / Kích thước (mm)
W2100 x D400 x H500

MS 4601 T | MS 025 MM

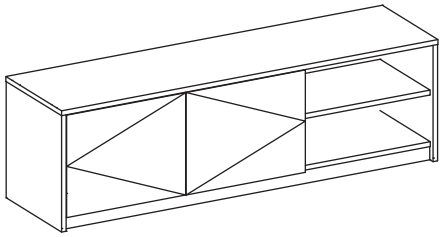

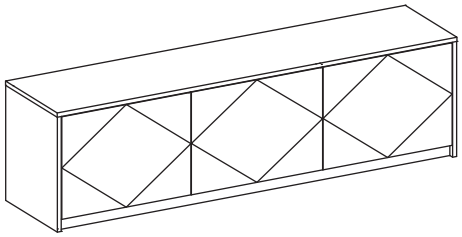

TVS03

Dimension / Kích thước (mm)
W2980 x D400 x H500

MS 440 NWG | MS 104 SH

ART
FINE WINES
WINDOWS
SONY

TVS04

Dimension / Kích thước (mm)
W2100 x D400 x H500

EVS 4422 | MS 220 SMM

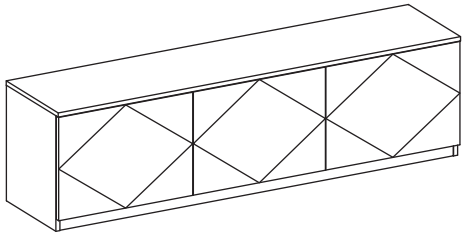

TVS05

Dimension / Kích thước (mm)
W600 x D400 x H640

MS 407 PL | PARC 30

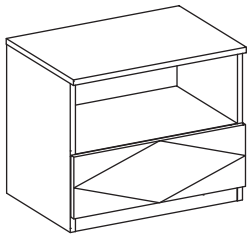

TVS06

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D400 x H570

MS 437 SMM | PARC 50

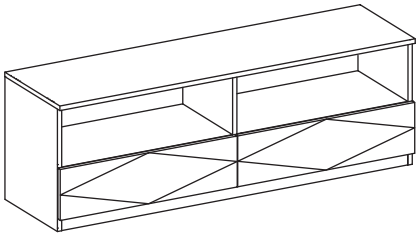

TVS07

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D500 x H500

MS 437 SMM | LK 6010A

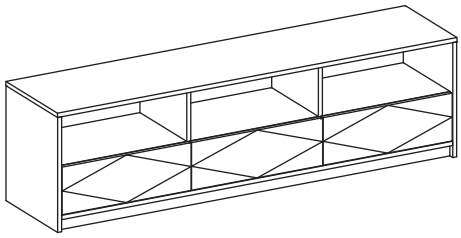

TVS08

Dimension / Kích thước (mm)
W2300 x D450 x H450

MS 442 RL | PARC 68

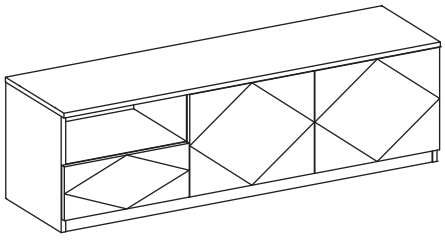

TVS09

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D400 x H400

LK 4569 A | MS 9205 S

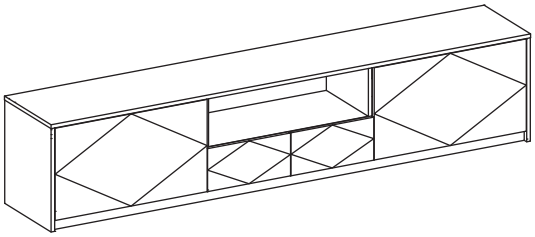

TVS12

Dimension / Kích thước (mm)
W3500 x D350 x H2100

MS 444 RL | PARC 50

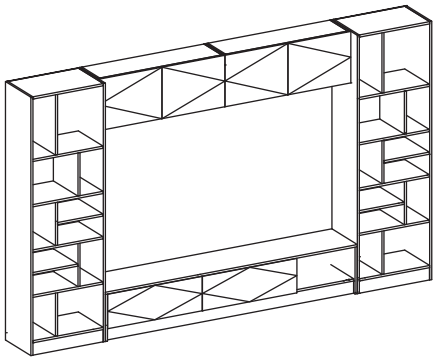

TVS13

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D400 x H450

MS 388 EV | PARC 69

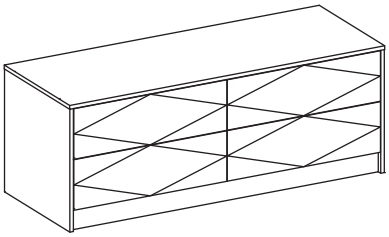

Dấu ấn từ không gian phòng khách nhiều người quan niệm rằng không gian phòng khách không quá quan trọng, chỉ cần bố trí hợp lí và bắt mắt là được. Thật ra, phòng khách cũng là bộ mặt của ngôi nhà, bởi nó là nơi chúng ta sử dụng nhiều nhất để thư giãn, trò chuyện và tiếp đãi khách. Vì vậy gia chủ cần phải biết cách sử dụng tối đa hiệu quả của vật liệu cũng như cách bày trí để tạo dấu ấn riêng cho mình. Hãy cùng tìm hiểu hai phong cách hoàn toàn khác biệt qua hai mẫu phòng khách tuyệt đẹp dưới đây:

Nếu hỏi điều khiến bạn ấn tượng với phòng khách này nhất, bạn sẽ nói là gì? Có lẽ điều đặc biệt nhất chính là cảm giác tươi mới mà căn phòng này mang lại với cách bày trí nhấn nhá màu sắc và ánh sáng thiên nhiên ngập tràn, chính điều đó đã tạo nên sức sống cho căn nhà.

Tận dụng ánh sáng: đừng cố gắng để che phủ toàn bộ không gian, hãy tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên bằng cách mở rộng cửa sổ hoặc sử dụng rèm cửa đồng màu với nội thất để không gian phòng khách của bạn không còn bí bách và đè nén. Nhờ biết cách tận dụng ánh sáng hợp lý từ thiên nhiên và sử dụng nội thất làm từ gỗ An Cường, phòng khách này trở nên thông thoáng và thanh lịch hơn.

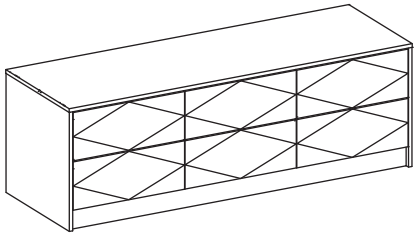

TVS14

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D400 x H450

MS 612 EV | PARC 48

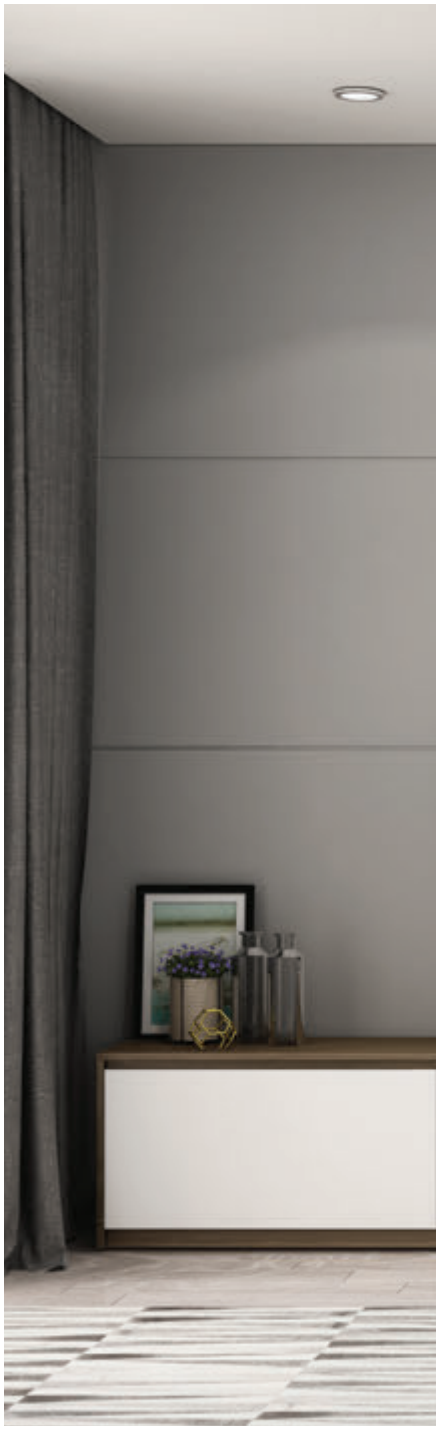

TVS15

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D400 x H450

MS 411 MM | MS 205 PL

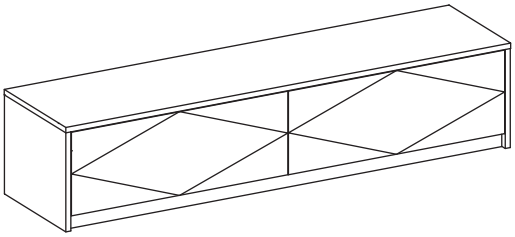

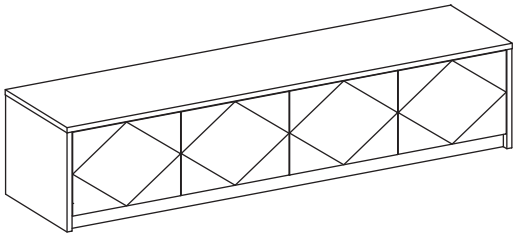

TVS16

Dimension / Kích thước (mm)
W3700 x D400 x H500

MS 440 NWG | MS 104 SH

TVS17

Dimension / Kích thước (mm)
W2800 x D420 x H350

MS 205 PL | LK 9912 E

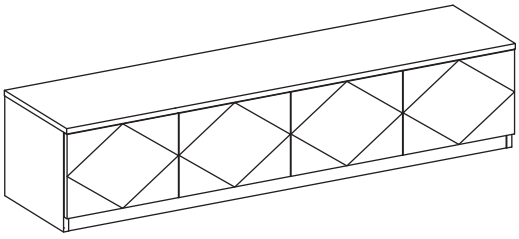

TVS18

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D600 x H500

MS 403 PL | PARC 50

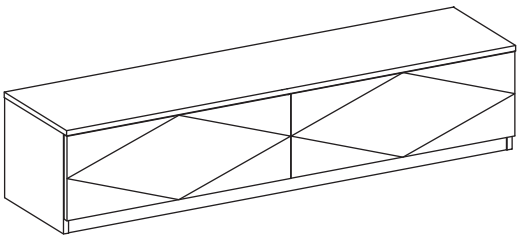

HOME

TVS19

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D450 x H400

MS 446 FR | PARC 50

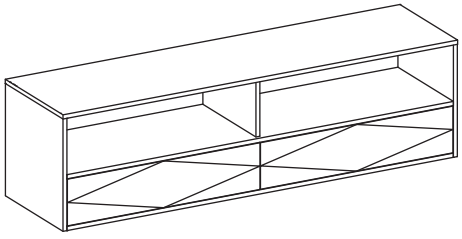

TVS20

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D420 x H500

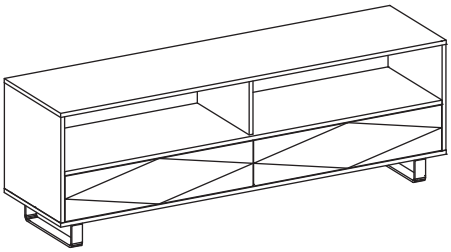

MS 388 EV

MS 104 SH

TVS21

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D420 x H500

MFC 106 SMM | LK 8110 G

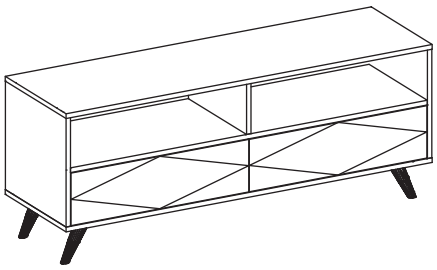

TVS22

Dimension / Kích thước (mm)
W1450 x D450 x H900

MS 104 SH

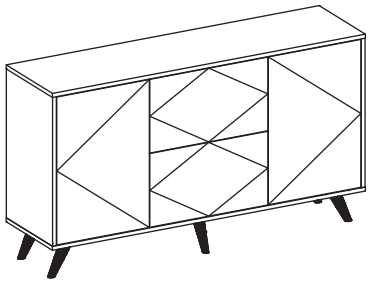

TVS23

Dimension / Kích thước (mm)
W1450 x D450 x H800

MS 104 SH | LK 4568 A

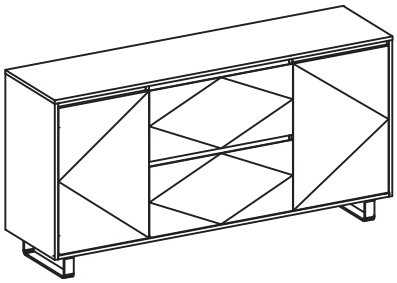

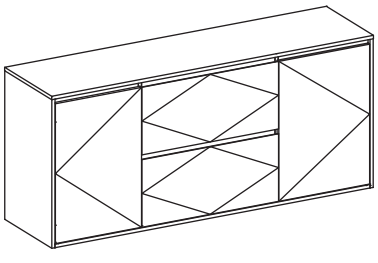

TVS24

Dimension / Kích thước (mm)
W1450 x D450 x H700

MFC 104 SH | LK 4568 A

TVS25

Dimension / Kích thước (mm)
W1450 x D500 x H1100

PARC 28

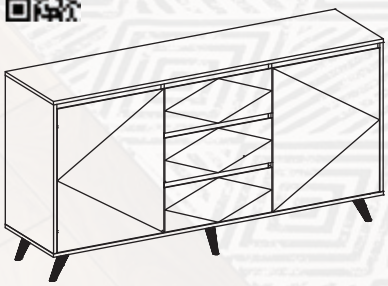

TVS26

Dimension / Kích thước (mm)
W1450 x D450 x H1000

LK 4567 A | LK 8110 G

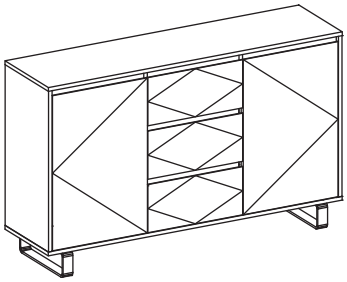

TVS27

Dimension / Kích thước (mm)
W2100 x D420 x H500

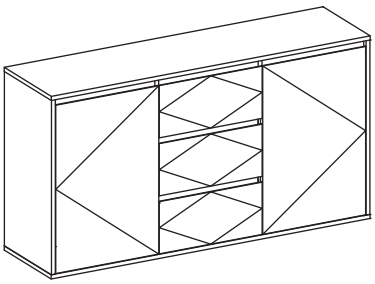

MS 389 SL

PARC 01

TVS28

Dimension / Kích thước (mm)
W2600 x D420 x H400

LK 4443 A

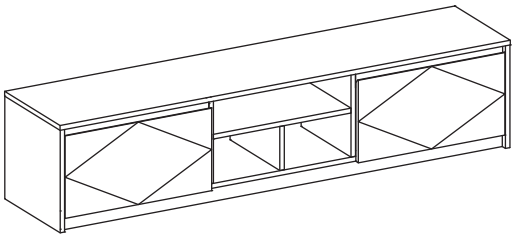

TVS29

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D400 x H500

MS 440 NWG

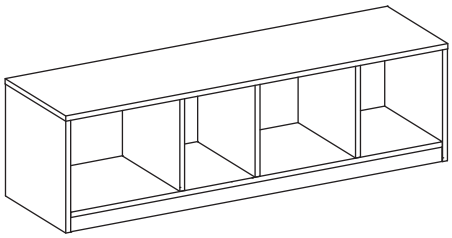

TVT01

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D350 x H400

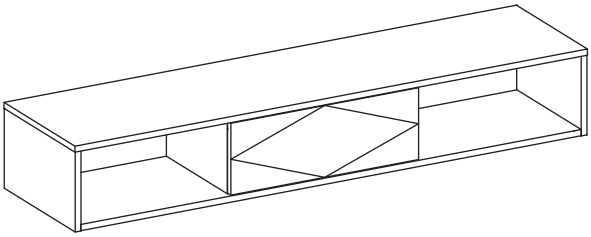

MS 220 SMM | EVS 4350

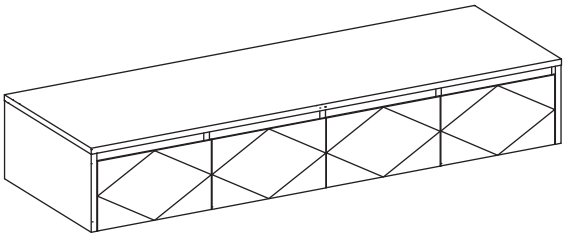

TVT02

Dimension / Kích thước (mm)
W2000 x D400 x H300

MS 442 RL

TVT03

Dimension / Kích thước (mm)
W2300 x D400 x H250

MS 205 PL | EVS 4422

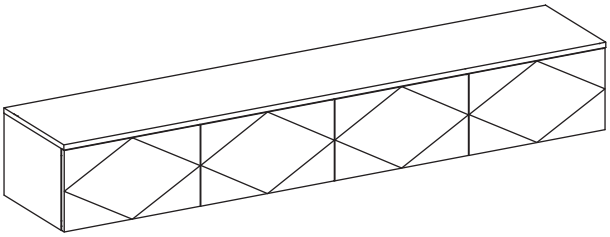

TVT04

Dimension / Kích thước (mm)
W2500 x D420 x H270

EVS 4350 | EARC 13

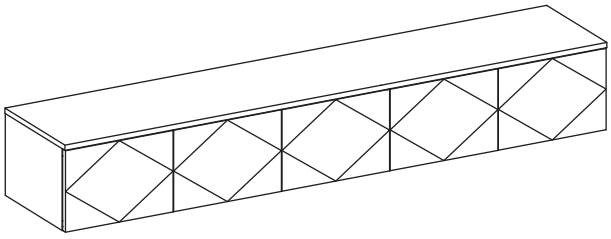

TVT05

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D300 x H300

LK 4568 A

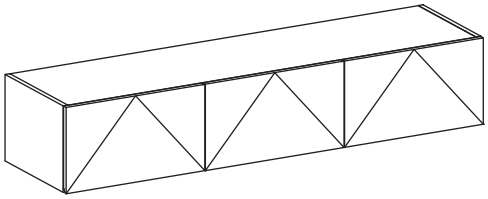

TVT06

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D420 x H280

LK 4567 A | LK 8110 G

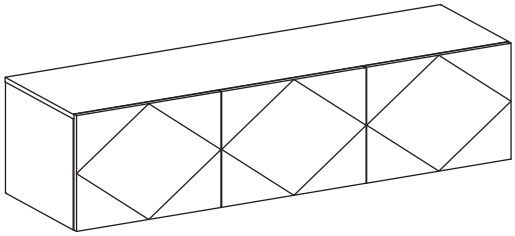

SONY

TVT07

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D420 x H250

MFC 505 MM | PARC 41

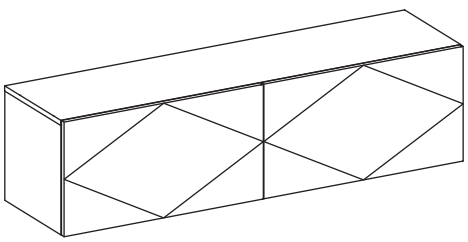

TVT08

Dimension / Kích thước (mm)
W2600 x D350 x H350

MS 025 SMM | LK 4569 A

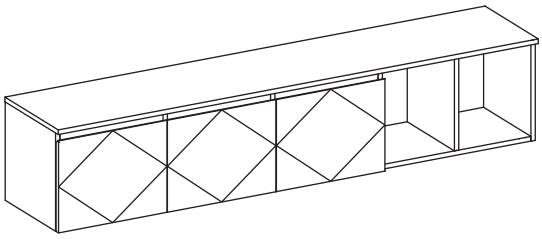

KHƠI NGUỒN

CUỘC SỐNG

Được xem là “mặt tiền” của không gian sống, phòng khách giữ một vị trí hết sức quan trọng trong ngôi nhà, trước hết là vì đó là nơi tiếp đón khách quý đến nhà, nơi tụ họp của người thân trong gia đình. Nói cách khác, phòng khách đảm đương vai trò “đối ngoại” lẫn “đối nội” của nhiều gia đình.

Song hành cùng thiết kế nội thất thì thiết kế ánh sáng là điều đặc biệt quan trọng cho một ngôi nhà hoàn hảo. Nhờ biết cách Tận dụng ánh sáng hợp lý từ thiên nhiên và sử dụng nội thất làm từ gỗ An Cường, phòng khách trở nên thông thoáng và thanh lịch hơn.

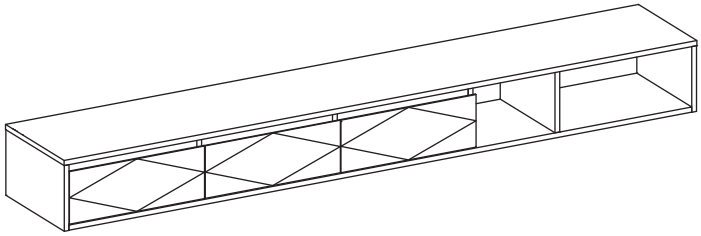

TVT09

Dimension / Kích thước (mm)
W2100 x D420 x H250

EVS 4302 | PARC 50

TVT10

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D420 x H400

MS 437 SMM | MS 104 SH

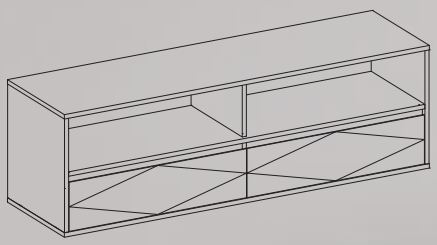

LOUIS VUITTON

SHOES CABINET

TỦ GIÀY

SHOES CABINET | **TỦ GIÀY**

TG14

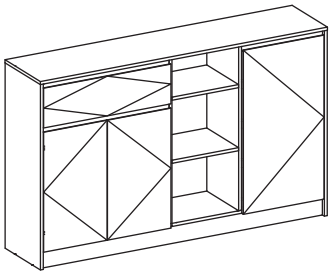

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D400 x H1100

LK 8102 G

TG02

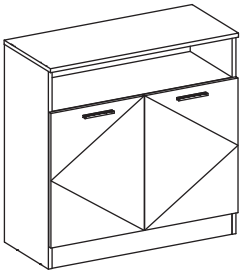

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D400 x H900

LK 3102 D

TG01

Dimension / Kích thước (mm)
W1000 x D400 x H2200

MS 442 RL | PARC 30

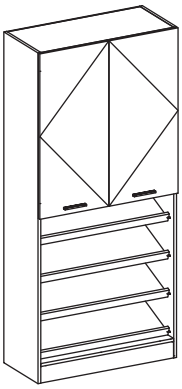

TG04

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D400 x H700

MS 442 RL

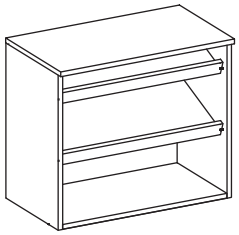

TG05

Dimension / Kích thước (mm)
W700 x D400 x H600

MS 611 EV

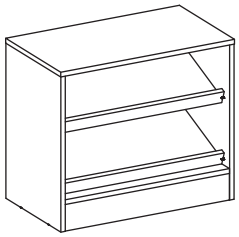

TG03

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D400 x H1100

MS 642 T

TG09

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D400 x H750

LK 3102 D | PARC 01

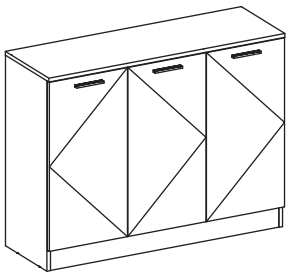

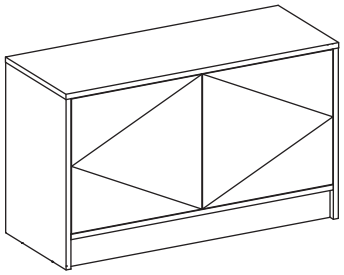

TG06

Dimension / Kích thước (mm)
W1000 x D400 x H750

MS 389 SL | MS 104 SH

TG08

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D400 x H550

MS 333 PL | PARC 48

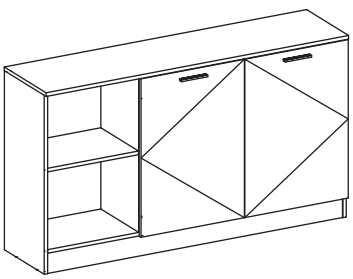

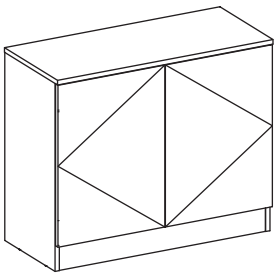

TG07

Dimension / Kích thước (mm)
W1100 x D400 x H600

LK 3102 D | PARC 30

SHOES CABINET | **TỦ GIÀY**

TG10

Dimension / Kích thước (mm)
W1300 x D400 x H750

LK 8102 G | PARC 50

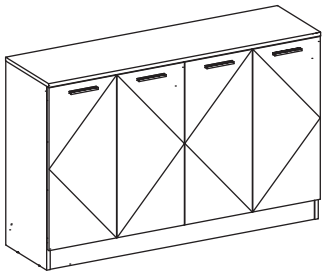

TG11

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D400 x H750

MS 23015 T | MS 104 SMM

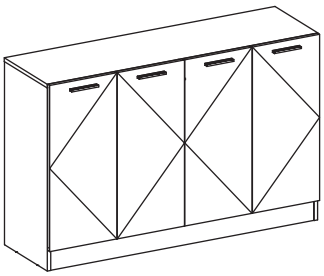

TG12

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D400 x H450

LK 9911 E | PARC 01

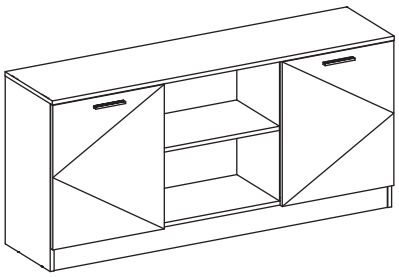

TG13

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D400 x H750

MS 411 MM | MS 104 SH

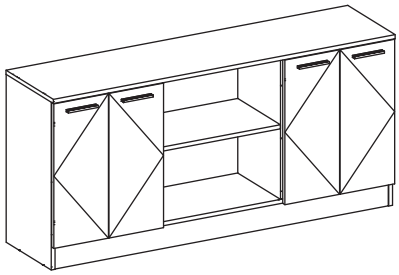

TG15

Dimension / Kích thước (mm)
W1250 x D400 x H2200

MS 407 PL | MS 104 SH

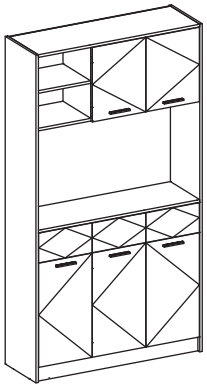

TG16

Dimension / Kích thước (mm)
W1300 x D300 x H1000

MS 402 PL | MS 104 SH

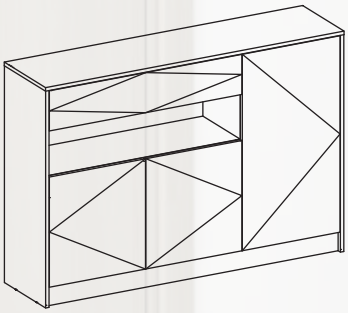

TG18

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D400 x H2200

MS 427 RL | MS 104 SH

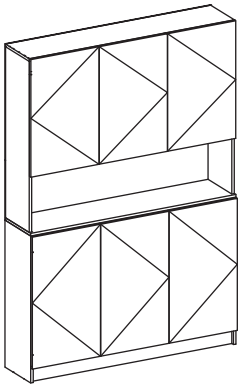

BOOKSHELF

KỆ SÁCH

KSS19

Dimension / Kích thước (mm)
W3350 x D400 x H2400

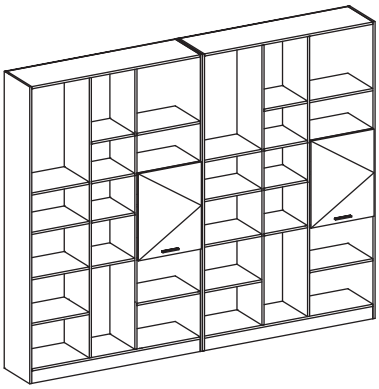

PARC 01

MS 442 RL

KSS01

Dimension / Kích thước (mm)
W600 x D300 x H2200

MS 442 RL

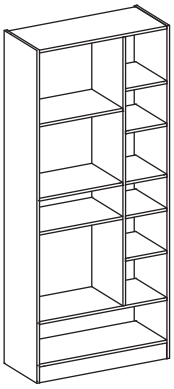

KSS03

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D400 x H2200

MS 517 MM

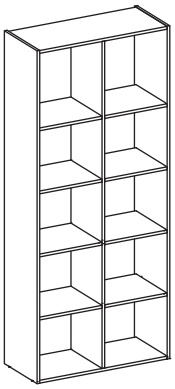

KSS09

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D400 x H2000

MS 337 RM | PARC 01

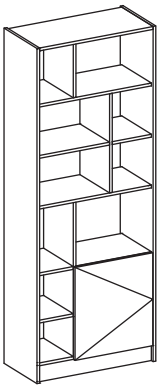

KSS11

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D400 x H2400

MS 447 SL | PARC 01

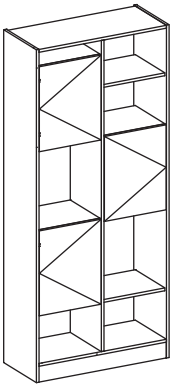

KSS21

Dimension / Kích thước (mm)
W2850 x D400 x H2100

MS 441 MM

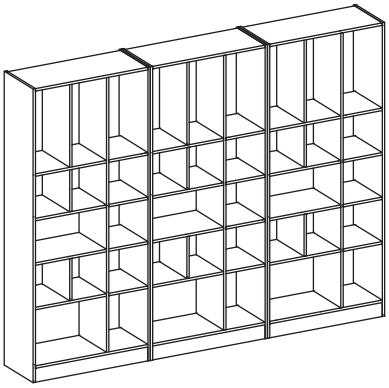

KSS20

Dimension / Kích thước (mm)
W3000 x D400 x H2000

MS 404 PL | MS 106 SH

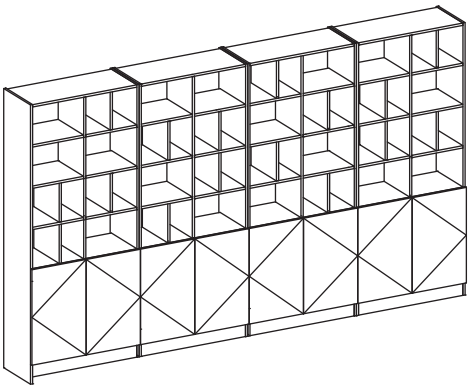

KSS05

Dimension / Kích thước (mm)
W1300 x D400 x H2400

MS 405 PL | MS 104 SMM

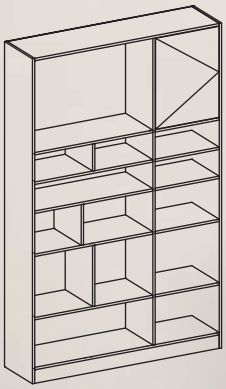

KSS04

Dimension / Kích thước (mm)
W950 x D400 x H2000

MS 442 RL | PARC 68

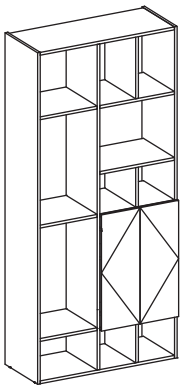

KSS14

Dimension / Kích thước (mm)
W950 x D400 x H2000

MS 437 SMM

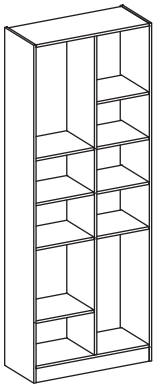

pierre cardin
Elliott Erwitt Snaps

KSS06

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D400 x H2400

MS 411 MM | MS 104 SMM

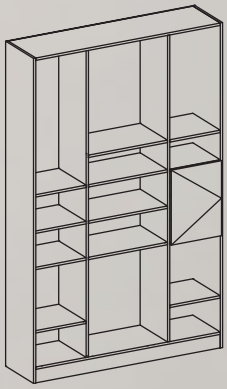

KSS02

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D300 x H2000

MS 104 SMM | LK 8102 G

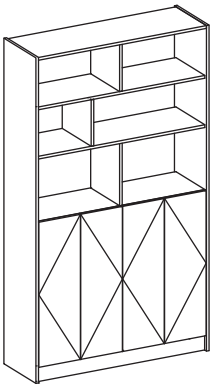

KSS08

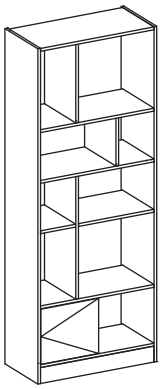

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D300 x H2000

MS 429 RL | MS 030 PL

KSS10

Dimension / Kích thước (mm)
W950 x D400 x H2000

LK 4516 A | PARC 01

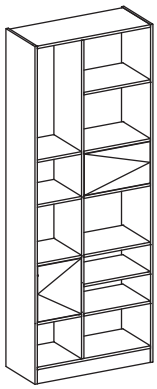

KSS13

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D420 x H2400

MS 104 SMM | LK 4457 A

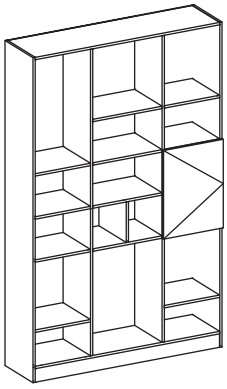

KSS12

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D380 x H2000

MS 437 SMM

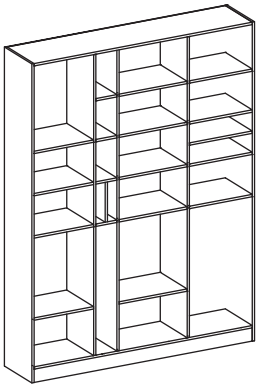

KSS18

Dimension / Kích thước (mm)
W3200 x D300 x H2000

MS 610 RM

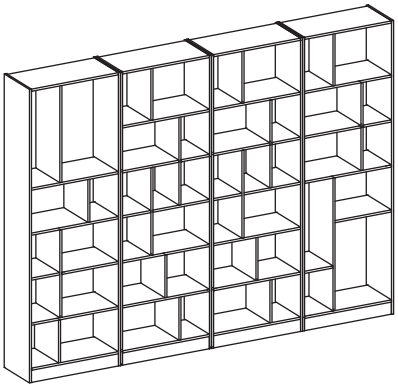

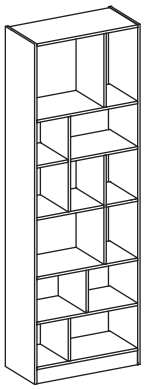

KSS07

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D350 x H2200

MS 403 PL

KSS25

Dimension / Kích thước (mm)
W950 x D300 x H2400

MS 411 MM

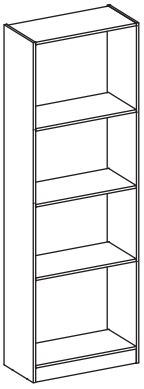

KSS16

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D300 x H2400

LK 9910 E | PARC 01

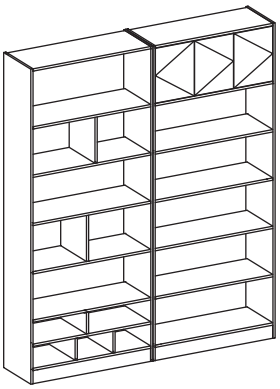

KSS22

Dimension / Kích thước (mm)
W2000 x D300 x H2400

MS 642 T | PARC 01

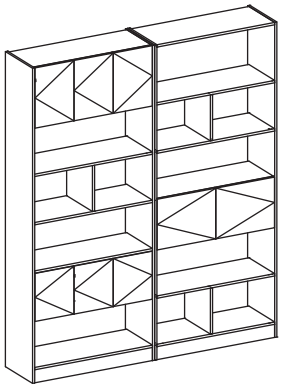

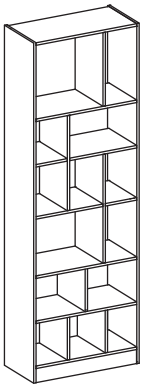

KSS26

Dimension / Kích thước (mm)
W750 x D250 x H2200

MS 439 RL

KSS15

Dimension / Kích thước (mm)
W950 x D300 x H2400

MS 439 RL

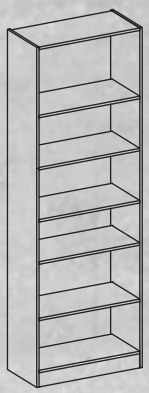

KST04

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D250 x H300

MS 442 RL

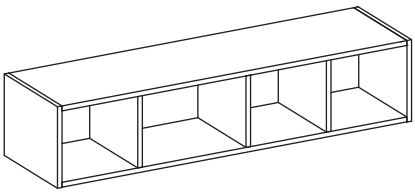

KST02

Dimension / Kích thước (mm)
W790 x D250 x H1150

MS 411 MM

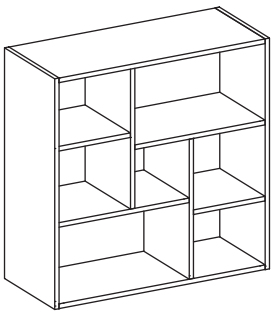

KST03

Dimension / Kích thước (mm)
W1700 x D250 x H900

MS 337 RM

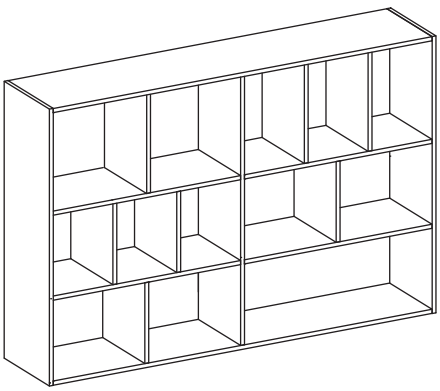

KST01

Dimension / Kích thước (mm)
W300 x D250 x H1200

MS 442 RL

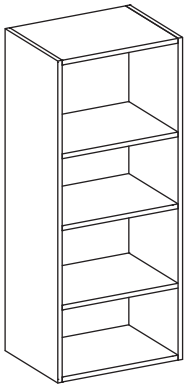

KST10

Dimension / Kích thước (mm)
W2000 x D300 x H1000

MS 642 T

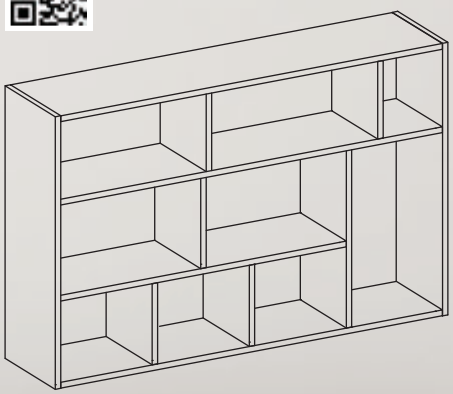

DESIGN
FASHION DESIGN

KST06

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D2500 x H600

MS 104 SMM

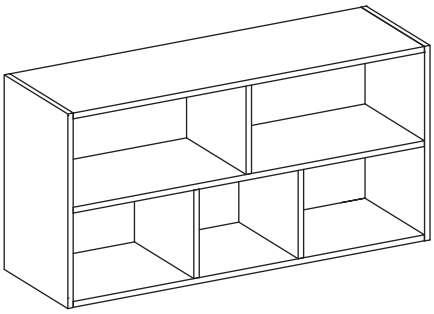

KST05

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D250 x H300

MS 403 PL

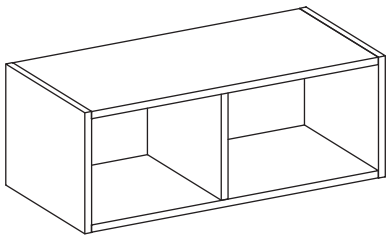

KST09

Dimension / Kích thước (mm)
W2000 x D900 x H1400

LK 9911 E

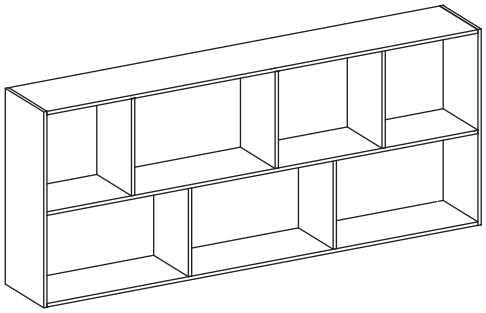

KST08

Dimension / Kích thước (mm)
W500 x D300 x H2000

MS 442 RL | PARC 68

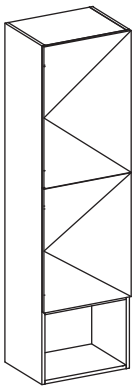

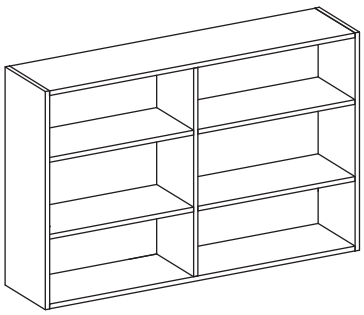

KST13

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D300 x H750

MS 429 RL

KST15

Dimension / Kích thước (mm)
W2200 x D450 x H850

MS 517 MM

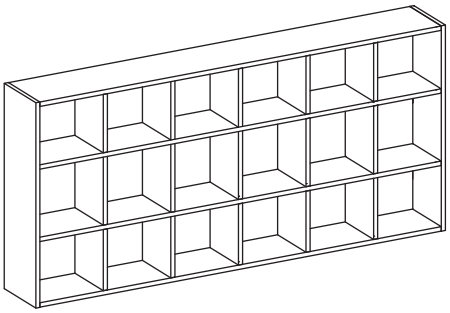

KST11

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D250 x H850

MS 439 RL

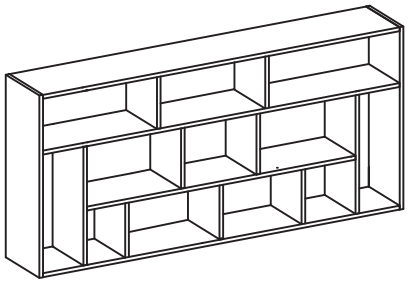

KST14

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D250 x H650

MS 442 RL

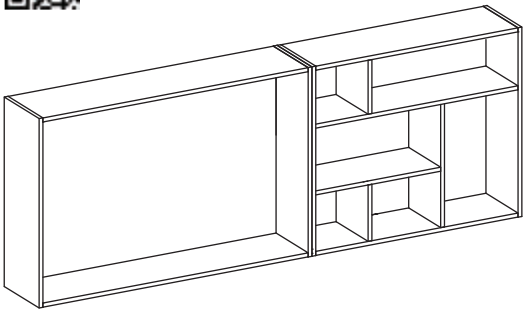

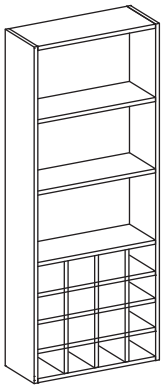

KST12

Dimension / Kích thước (mm)
W600 x D300 x H1500

MS 517 MM

BEDROOM

PHÒNG NGỦ

BEDROOM | **PHÒNG NGỦ**

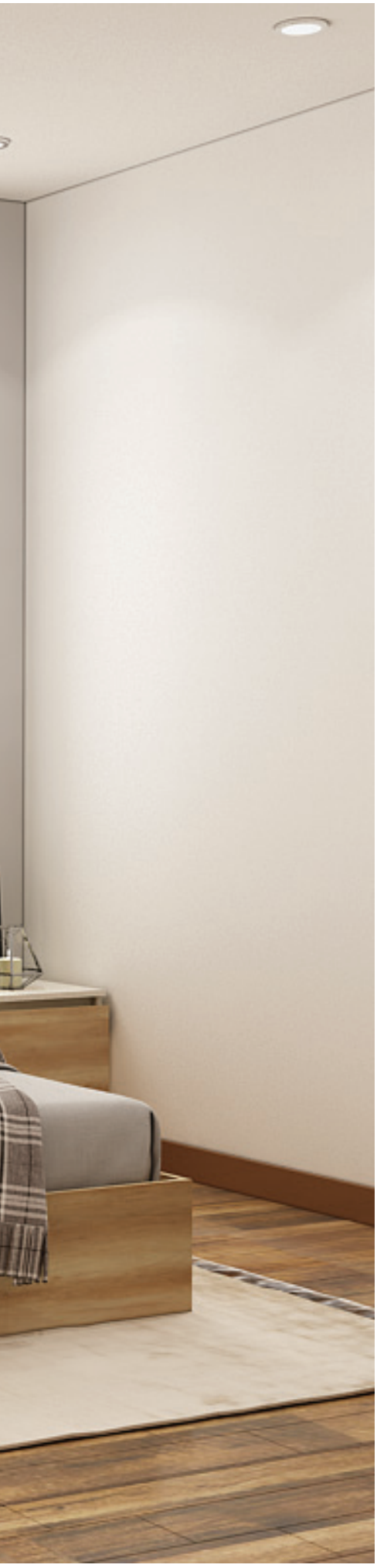

PHÒNG NGỦ SET01

BEDROOM SET01

GI01-HKT

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D2030 x H350

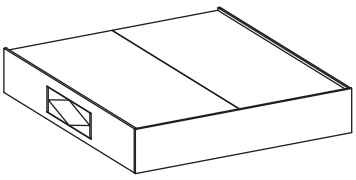

DG15

Dimension / Kích thước (mm)
W600 x D300 x H500

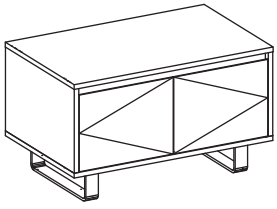

MS 446 FR | MS 445 RL

PHÒNG NGỦ SET02

BEDROOM SET02

MS 442 RL | PARC 51

VO-01

Dimension / Kích thước (mm)
W1657 x D36 x H900

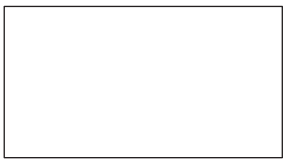

GI02-HKP

Dimension / Kích thước (mm)
W1657 x D2030 x H350

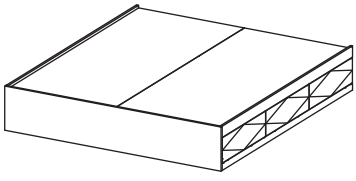

DG10

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D400 x H200

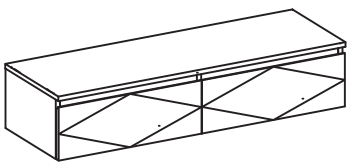

TVS16

Dimension / Kích thước (mm)
W2200 x D400 x H450

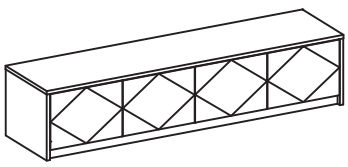

YOUR LIFE
IS A
REFLECTION
OF YOUR
THOUGHTS

pierre cardin

PHÒNG NGỦ SET03
BEDROOM SET03

VO-04

Dimension / Kích thước (mm)
W3257 x D36 x H900

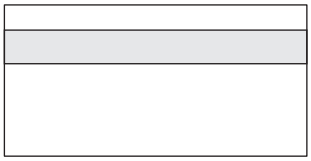

DG08

Dimension / Kích thước (mm)
W700 x D400 x H450

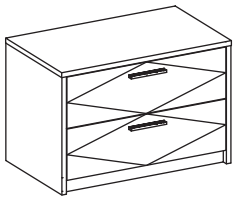

GI03-HKT

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D2030 x H350

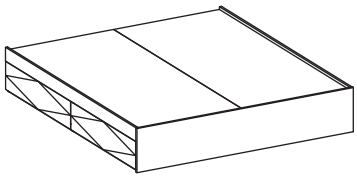

MS 517 MM | MS 104 SH

MS 24003 NV | PARC 01

PHÒNG NGỦ SET04

BEDROOM SET04

GI04-HKT

Dimension / Kích thước (mm)
W1657 x D2030 x H350

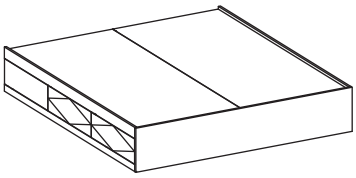

VO-05

Dimension / Kích thước (mm)
W2455 x D36 x H900

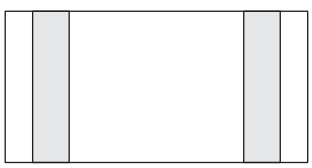

BV-06

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D550 x H750

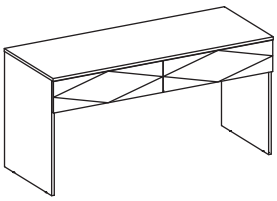

DG03

Dimension / Kích thước (mm)
W600 x D400 x H200

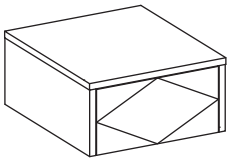

TVT06

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D350 x H350

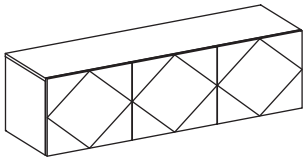

PHÒNG NGỦ SET05

BEDROOM SET05

GI05-HKT

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D2030 x H350

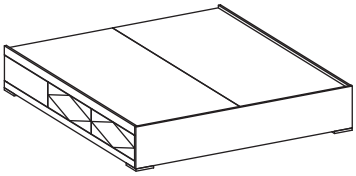

VO-02

Dimension / Kích thước (mm)
W3657 x D36 x H900

DG03

Dimension / Kích thước (mm)
W600 x D400 x H200

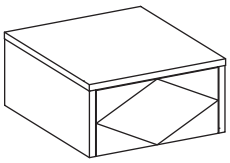

MS 517 MM | PARC 01

BV-06

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D600 x H750

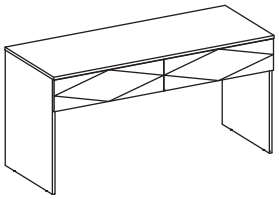

TATL01

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D600 x H2400

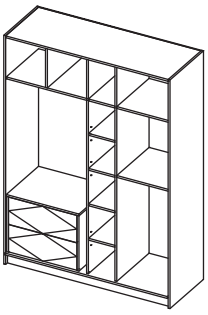

PHÒNG NGỦ SET06

BEDROOM SET06

MS 425 RL | MS 437 SMM

DG01

Dimension / Kích thước (mm)
W700 x D400 x H450

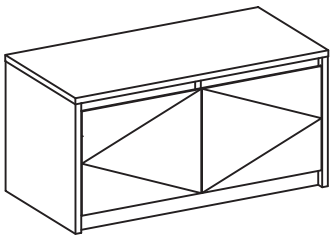

BV-03

Dimension / Kích thước (mm)
W1000 x D600 x H750

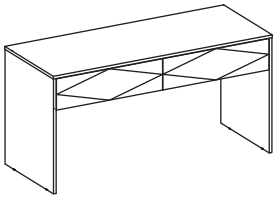

TVS16

Dimension / Kích thước (mm)
W2000 x D400 x H500

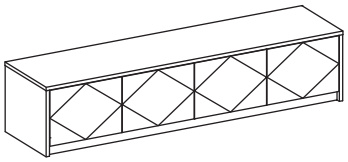

VO-01

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D36 x H900

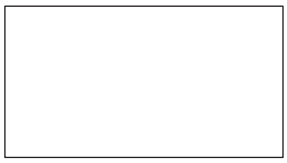

GI06-HKP

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D3070 x H350

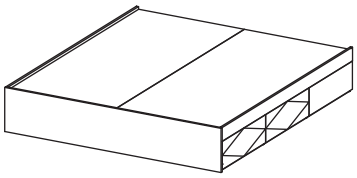

PHÒNG NGỦ SET07

BEDROOM SET07

MS 427 RL | LK 8001 3D

GI08

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D2030 x H350

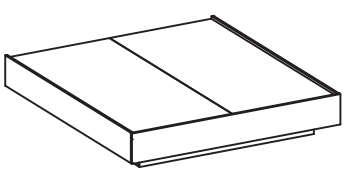

VO-01

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D36 x H900

BV-05

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D500 x H750

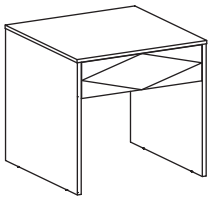

TVS20

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D450 x H525

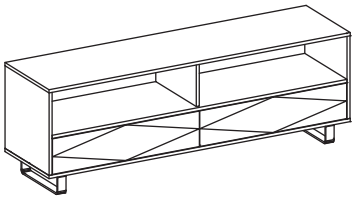

TA3C01

Dimension / Kích thước (mm)
W1500 x D600 x H2800

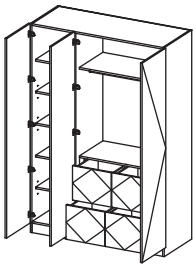

DG02

Dimension / Kích thước (mm)
W550 x D450 x H400

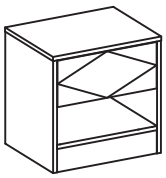

PHÒNG NGỦ SET08

BEDROOM SET08

MS 440 NWG | EARC 42

GI09

Dimension / Kích thước (mm)
W1857 x D2030 x H350

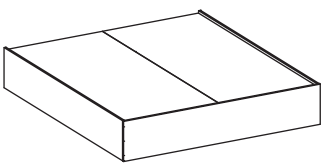

VO-02

Dimension / Kích thước (mm)
W3207 x D36 x H900

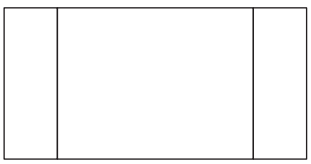

DG08

Dimension / Kích thước (mm)
W450 x D400 x H500

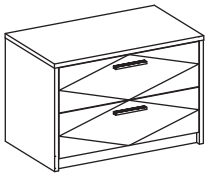

TVS21

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D400 x H600

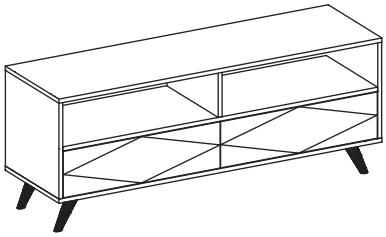

BV-05

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D500 x H750

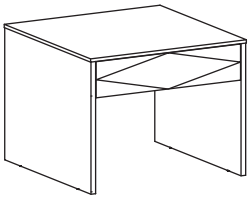

PHÒNG NGỦ SET09

BEDROOM SET09

GI10

Dimension / Kích thước (mm)
W1657 x D2030 x H350

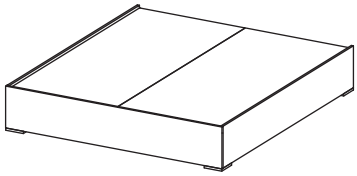

VO-01

Dimension / Kích thước (mm)
W1657 x D36 x H900

DG02

Dimension / Kích thước (mm)
W450 x D400 x H500

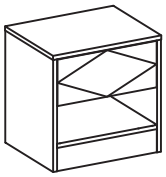

MS 2342 T | MS 442 RL

KSS07

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D300 x H2000

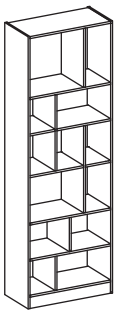

BV-08

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D600 x H750

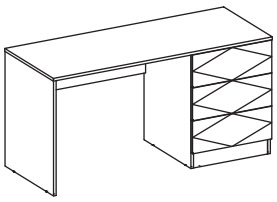

TỦ ĐẦU GIƯỜNG
NIGHT STAND

DG11

Dimension / Kích thước (mm)
W550 x D400 x H500

MS 24003 NV | PARC 01

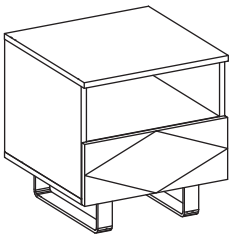

DG14

Dimension / Kích thước (mm)
W600 x D400 x H500

MS 104 SH

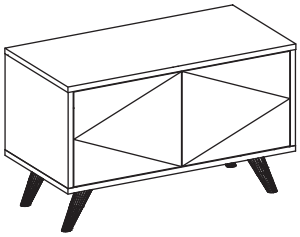

DG05

Dimension / Kích thước (mm)
W500 x D400 x H450

MS 9223 NV

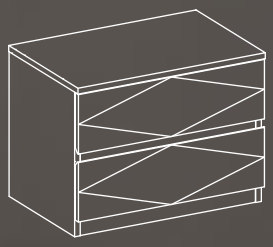

DG17

Dimension / Kích thước (mm)
W500 x D450 x H500

MS 101 SH

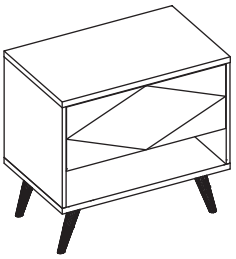

DG13

Dimension / Kích thước (mm)
W650 x D450 x H500

MS 106 SH

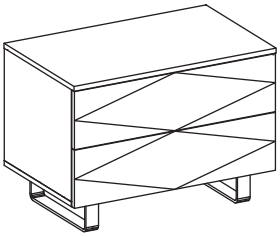

DG12

Dimension / Kích thước (mm)
W500 x D450 x H600

MS 106 SH

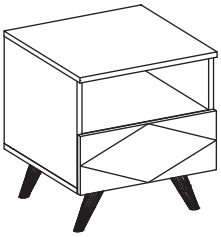

TỦ ĐẦU GIƯỜNG
NIGHT STAND

DG16

Dimension / Kích thước (mm)
W650 x D450 x H550

MS 104 SH

GIƯỜNG
BED

GI01-HKT

Giường 1 hộc kéo trái

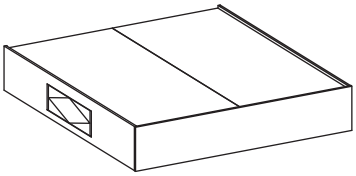

GI01-HKP

Giường 1 hộc kéo phải

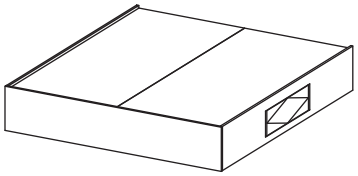

GI02-HKT

Giường 3 hộc kéo trái

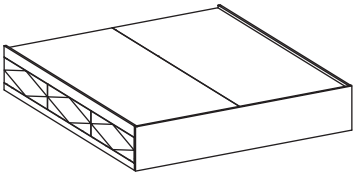

GI02-HKP

Giường 3 hộc kéo phải

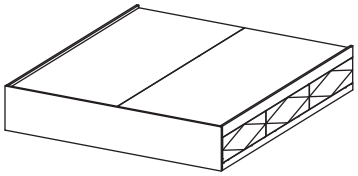

GI03-HKT

Giường 4 hộc kéo trái
(2 mặt hộc)

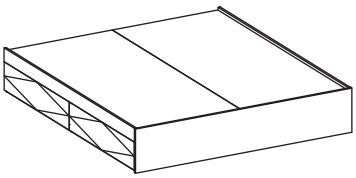

GI03-HKP

Giường 4 hộc kéo phải
(2 mặt hộc)

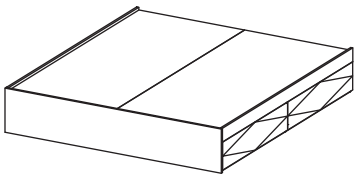

GI04-HKT

Giường 2 hộc kéo trái
(Vát tay nắm cạnh trên)

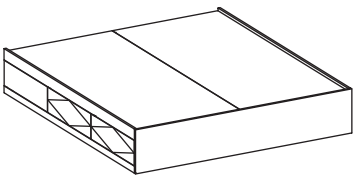

GI04-HKP

Giường 2 hộc kéo phải
(Vát tay nắm cạnh trên)

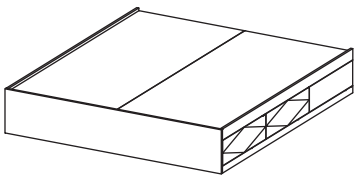

GI05-HKT

Giường 2 hộc kéo trái
(Có đế chân)

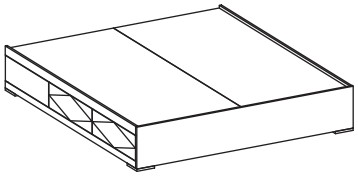

GI05-HKP

Giường 2 hộc kéo phải
(Có đế chân)

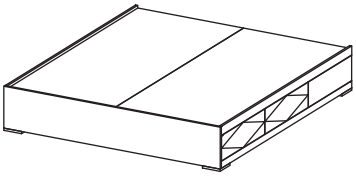

GI06-HKT

Giường 2 hộc kéo trái
(Vát tay nắm cạnh dưới)

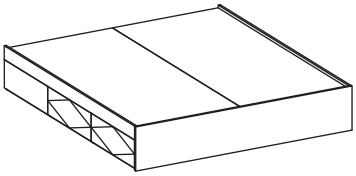

GI06-HKP

Giường 2 hộc kéo phải
(Vát tay nắm cạnh dưới)

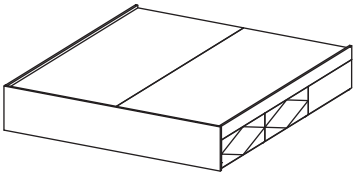

GI08

Giường có hộp len chân

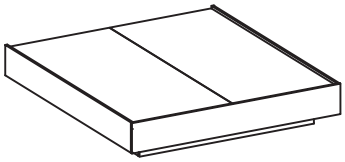

GI10

Giường có đế chân

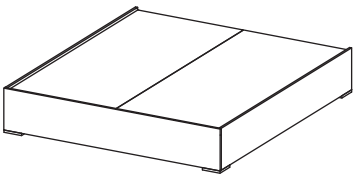

GI09

Giường truyền thống

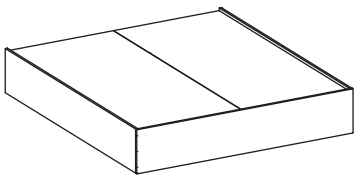

GI09B

Giường truyền thống
(Vát góc đuôi giường)

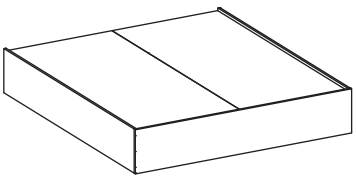

HEADBOARD / WALL PANEL

VÁCH ĐẦU GIƯỜNG / VÁCH ỐP

VO-02

Dimension / Kích thước (mm)
W3400 x D36 x H900

LK 4534 A

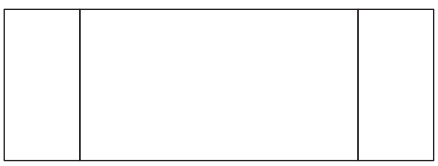

VO-01

Dimension / Kích thước (mm)
W1655 x D36 x H900

MS 403 PL

VO-03

Dimension / Kích thước (mm)
W2105 x D36 x H900

LK 4538 A

VO-04

Dimension / Kích thước (mm)
W2555 x D36 x H900

MS 418 EV | MS 104 SH

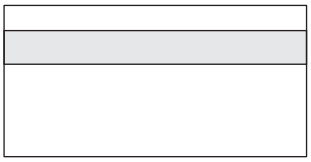

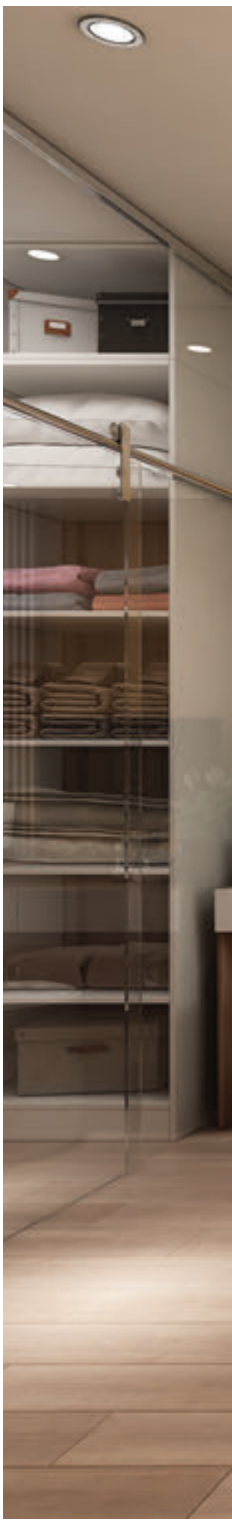

VO-05

Dimension / Kích thước (mm)
W1655 x D36 x H900

MS 501 MM | MS 104 SH

VO-07

Dimension / Kích thước (mm)
W2555 x D36 x H900

LK 4568 A

VO-11

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D36 x H2700

LK 4561 A

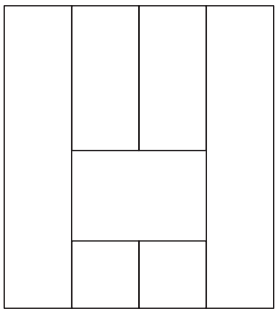

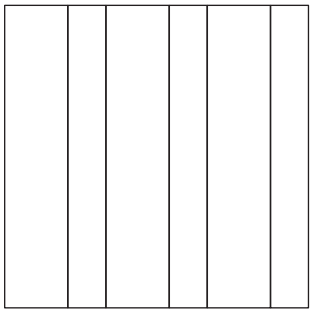

VO-15

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D36 x H2400

EARC 16

VO-09

Dimension / Kích thước (mm)
W4250 x D36 x H1790
W4250 x D130 x H900

MS 428 RL | MS 104 SH

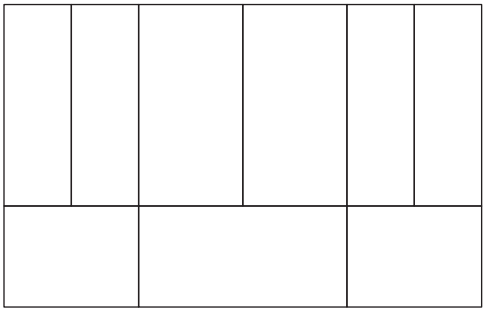

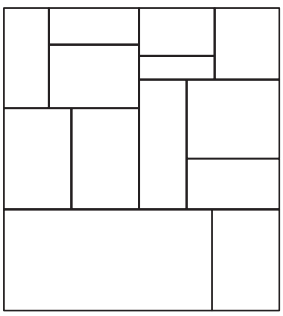

VO-10

Dimension / Kích thước (mm)
W2450 x D36 x H1800
W2450 x D36 x H900

MS 611 EV | EARC 16

VO-08

Dimension / Kích thước (mm)
W3700 x D36 x H2700

MS 427 RL

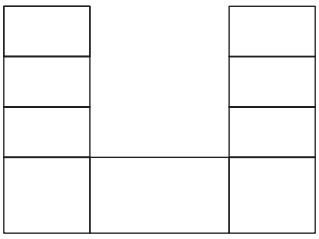

VO-12

Dimension / Kích thước (mm)
W2400 x D36 x H2400

MS 104 SH

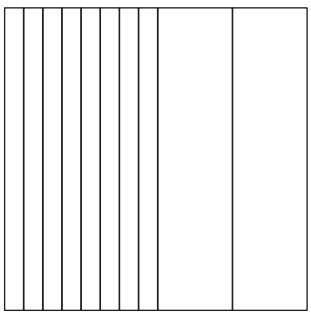

VO-13

Dimension / Kích thước (mm)
W3300 x D43 x H2700

MS 427 RL

VO-14

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D36 x H2700

MS 427 RL

TABLE

BÀN

BAN03

Dimension / Kích thước (mm)
W1450 x D600 x H750

MS 403 PL | PARC 28

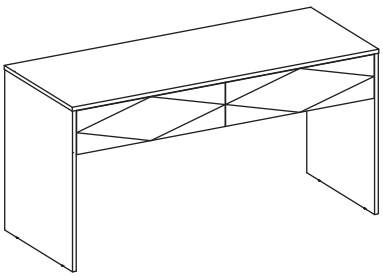

PARC 28

MS 403 PL

BAN07

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D500 x H750

LK 4550 A | PARC 01

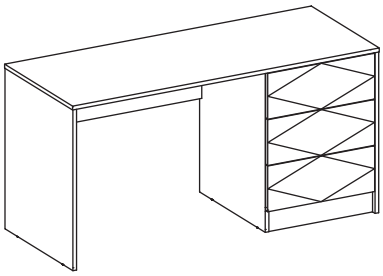

BAN13

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D600 x H750

MS 401 PL

***Chân sắt sơn tĩnh điện không thay đổi kích thước chân (Trắng | Đen)

BAN15

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D600 x H750

MS 429 RL

***Chân sắt sơn tĩnh điện không thay đổi kích thước chân (Trắng | Đen)

BAN01

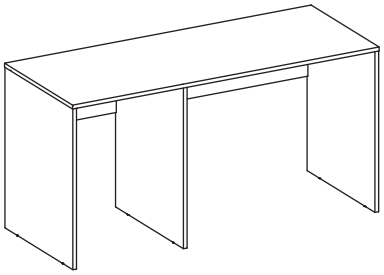

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D500 x H750

MS 413 MM

BAN04

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D500 x H750

MS 441 RL | PARC 01

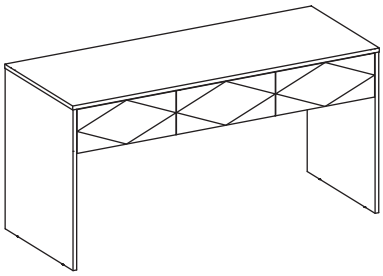

BAN02

Dimension / Kích thước (mm)
W1900 x D600 x H750

MS 337 RM

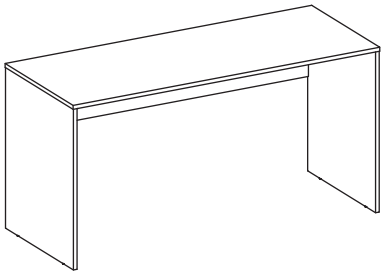

NEW YORK
SAT
11

BAN16

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D700 x H750

LK 4568 A

***Chân sắt sơn tĩnh điện không thay đổi kích thước chân (Trắng | Đen)

BAN14

***Chân sắt sơn tĩnh điện không thay đổi kích thước chân (Trắng | Đen)

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D600 x H750

MS 407 PL

BAN06

Dimension / Kích thước (mm)
W1320 x D450 x H750

LK 4550 A | PARC 01

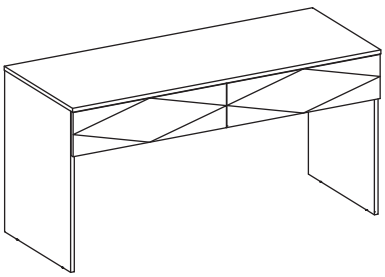

BAN12

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D500 x H750

MS 101 T

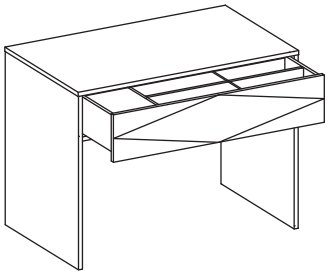

BAN11

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D500 x H1440

MS 104 T

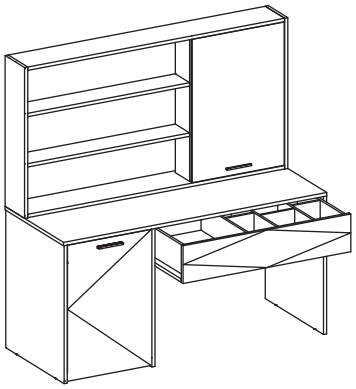

BAN05

Dimension / Kích thước (mm)
W500 x D600 x H750

LK 4550 A | PARC 01

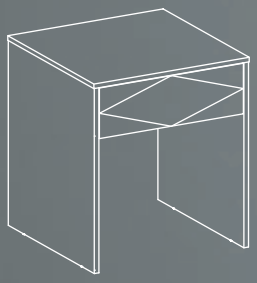

BAN10

Dimension / Kích thước (mm)
W700 x D500 x H1370

MS 104 SH

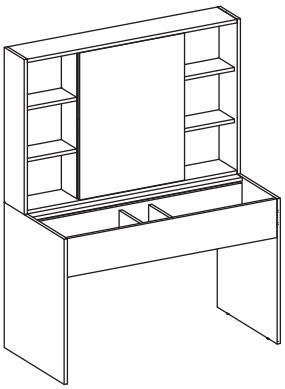

BAN09

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D500 x H750

MS 106 SH

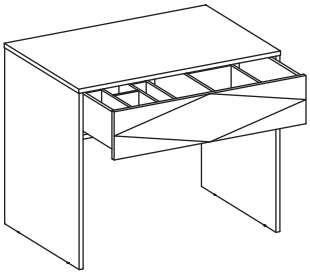

OFFICE FURNITURE

TỦ HỒ SƠ

THSC04

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H2400

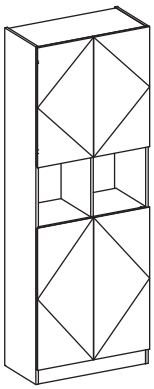

MS 202 SMM

MS 405 PL

THSC01

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H2200

MS 502 MM | PG 66

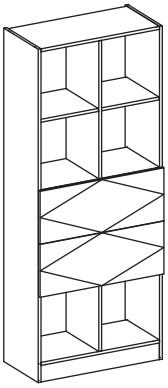

THST13

Dimension / Kích thước (mm)
W1760 x D400 x H750

MS 439 RL | PARC 01

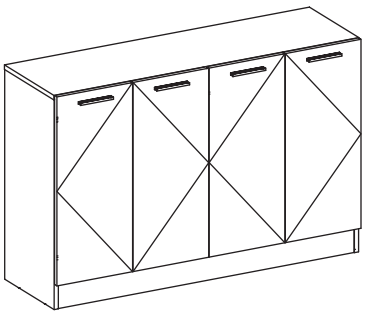

THST06

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D400 x H750

MS 389 SL | MS 104 SH

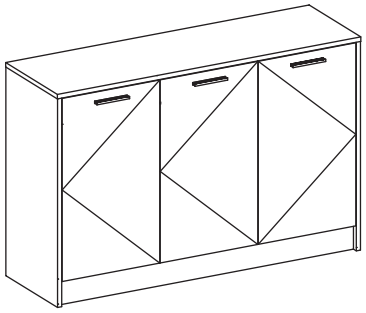

HARPER LEE
MANSFIELD PARK

THST15

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D420 x H900

MS 502 MM | PG 66

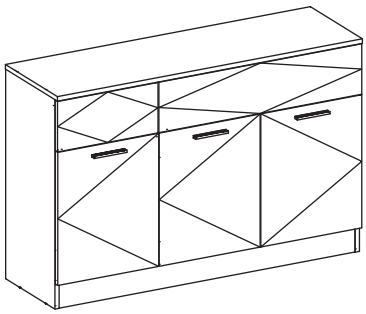

THST08

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D400 x H900

MS 23015 T | MS 104 SMM

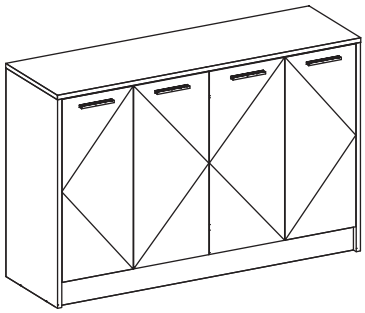

THSC02

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H2400

MS 429 RL | MS 030 SH

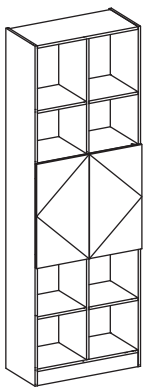

THST01

Dimension / Kích thước (mm)
W1000 x D420 x H650

MS 446 FR | MS 425 RL

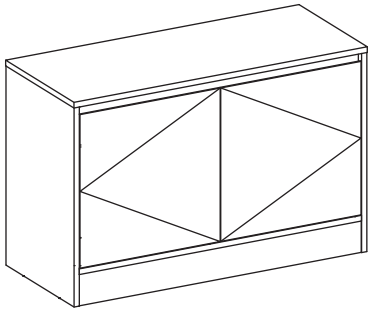

THSC05

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H2200

MS 220 SMM | LK 9913 E

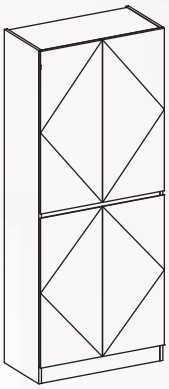

THST02

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H750

MS 389 SL | MS 104 SH

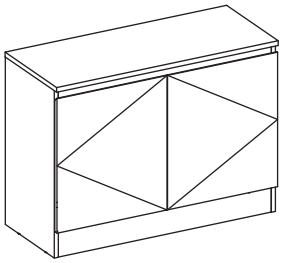

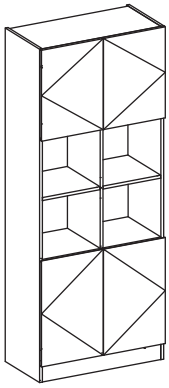

THSC03

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H2400

MS 433 SMM | MS 030 SH

THST07

Dimension / Kích thước (mm)
W1300 x D420 x H750

MS 389 SL | MS 104 SH

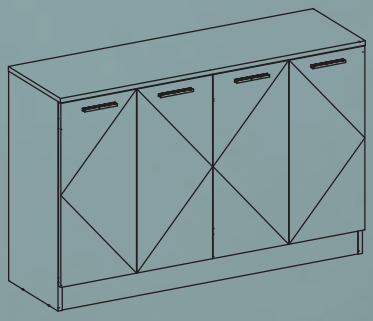

THST11

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H900

MS 329 EV | MS 030 PL

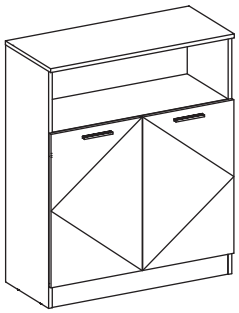

THST10

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D420 x H750

MS 502 MM | MS 220 SMM

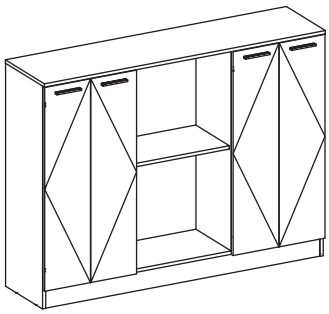

THST12

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D420 x H750

MS 104 SMM | LK 4482 P

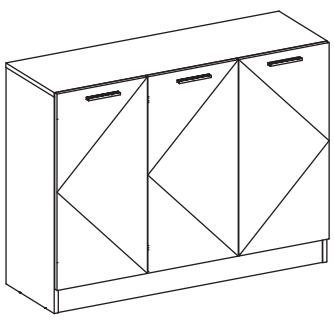

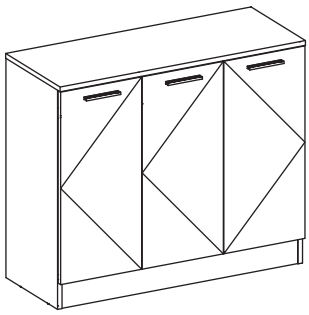

THST05

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D420 x H750

MS 446 FR | LK 9911 E

THST04

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D420 x H780

MS 431 BT | LK PL2205

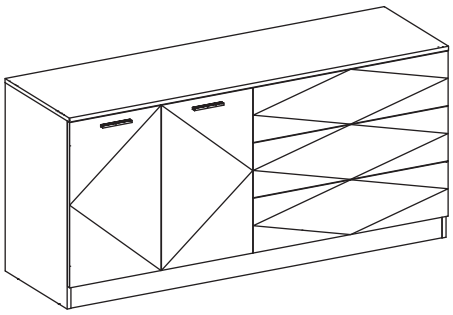

THST09

Dimension / Kích thước (mm)
W1600 x D420 x H750

MS 388 EV | PG 68

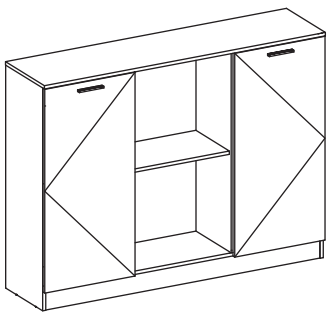

THST14

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D420 x H900

LK 4489 P | LK 4482 P

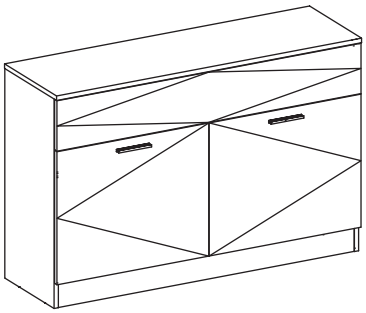

yesterday
NOW
tomorrow

THST03

Dimension / Kích thước (mm)
W1400 x D420 x H900

MS 388 EV | PARC 68

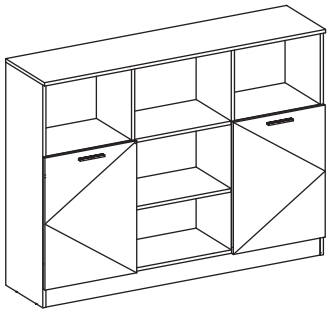

WARDROBE

TỦ ÁO

MS 502 MM

TA1C01

Tủ áo 1 cánh
W600 x D600 x H2200mm

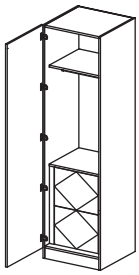

MS 502 MM | MS 104 SH

TA1C01

Tủ áo 1 cánh
W600 x D600 x H2200mm

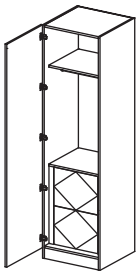

MS 504 MM

TA2C02

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

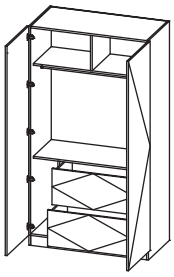

MS 337 RM

TA2C06

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

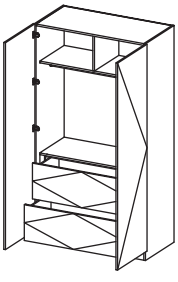

MS 424 RM

TA2C04

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

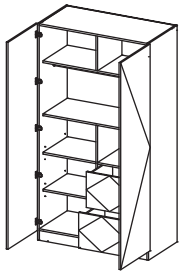

MS 412 MM

TA2C03

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

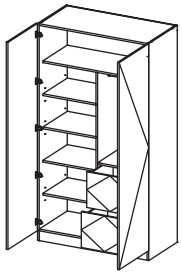

LK PL2205

TA2C01

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

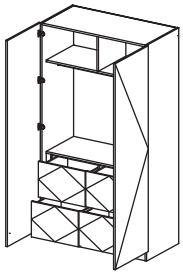

MS 424 RM

TA2C05

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

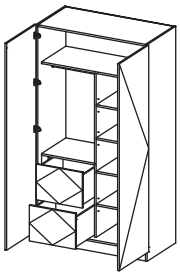

MS 440 NWG

TA2C07

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

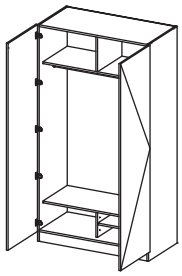

MS 9222 RM

TA2C08

Tủ áo 2 cánh
W1200 x D600 x H2200mm

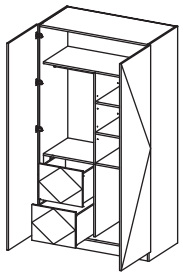

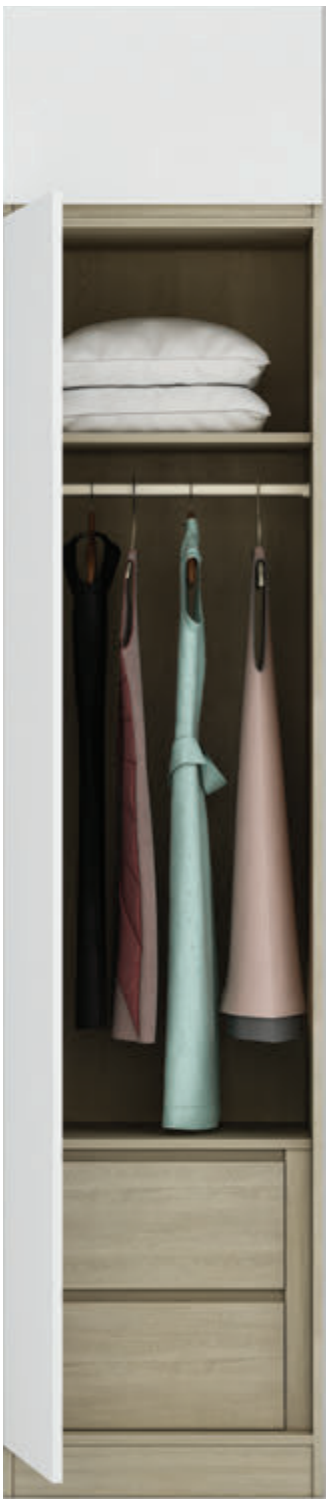

TA1CT01

Tủ áo hộc trên 1 cánh
W600 x D600 x H320mm

MS 502 MM | PARC 01

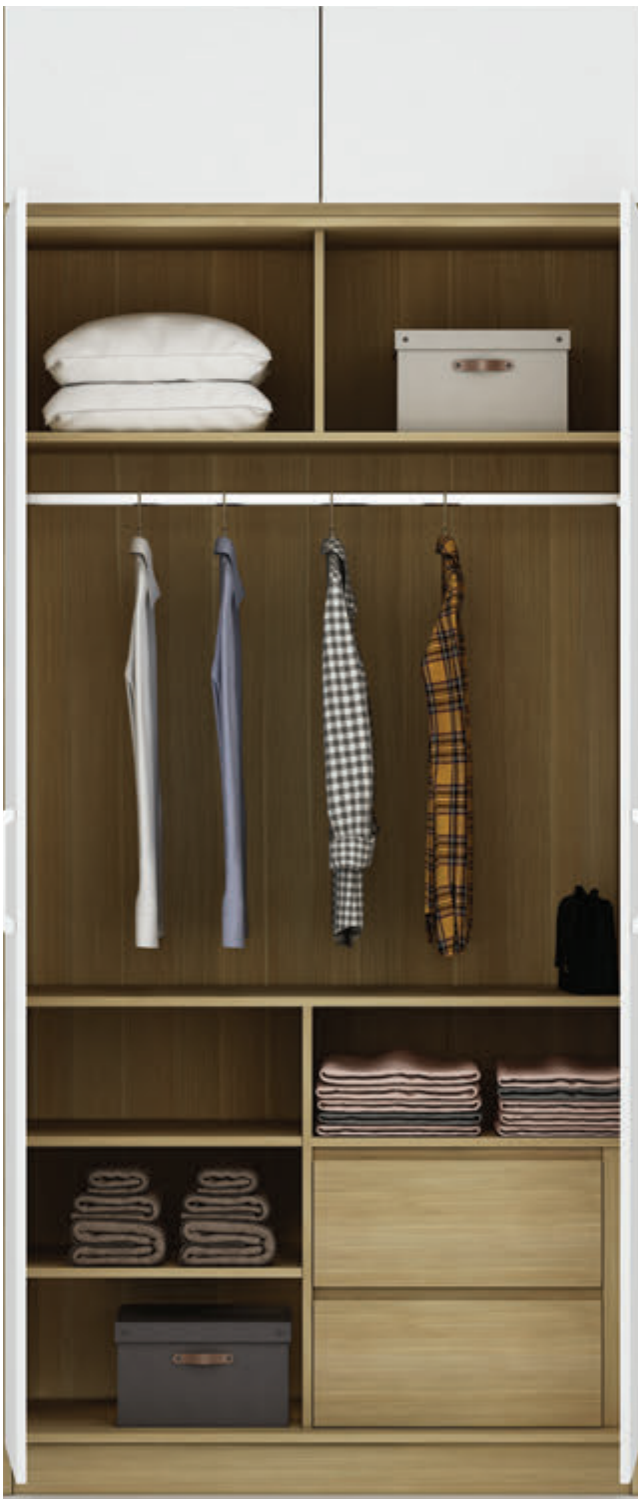

TA2CT02

Tủ áo hộc trên 2 cánh
W1200 x D600 x H320mm

MS 424 RM | MS 104 SH

MS 405 PL

TA3C06

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

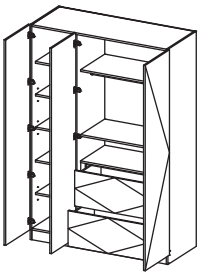

MS 403 PL

TA3C03

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

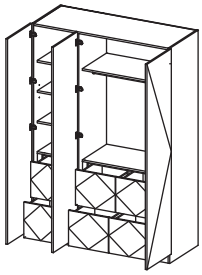

MS 413 MM

TA3C02

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

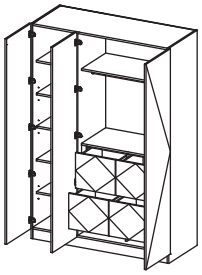

MS 429 RL

TA3C01

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

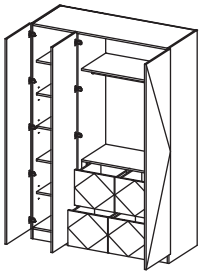

MS 402 PL

TA3C07

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

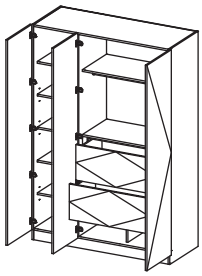

MS 389 SL

TA3C05

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

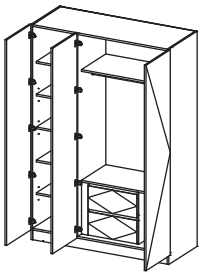

MS 404 PL

TA3C04

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

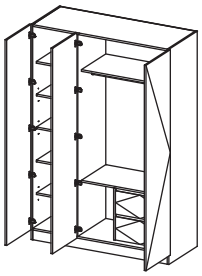

MS 504 MM

TA3C08

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

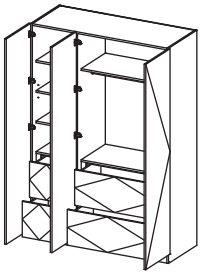

MS 424 RM

TA3C09

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

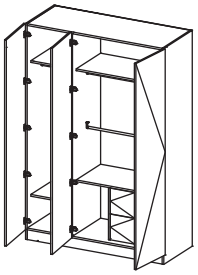

MS 429 PL

TA3C10

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

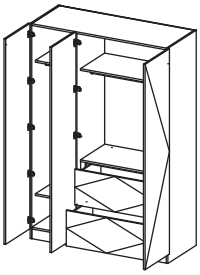

MS 410 MM

TA3C11

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

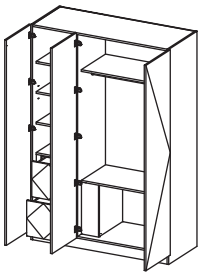

MS 439 RL

TA3C12

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

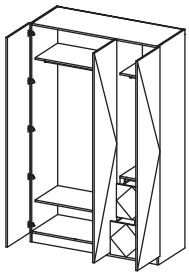

MS 424 RM

TA3C13

Tủ áo 3 cánh
W1500 x D600 x H2200mm

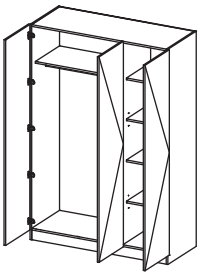

TA3CT01

Tủ áo hộc trên 3 cánh
W1500 x D600 x H320mm

MS 404 PL | MS 104 SH

MS 333 SC | LK 5006 A

TA4C02

Tủ áo 4 cánh
W2000 x D600 x H2200mm

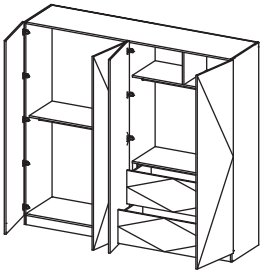

MS 413 MM

TA4C04

Tủ áo 4 cánh
W2200 x D600 x H2200mm

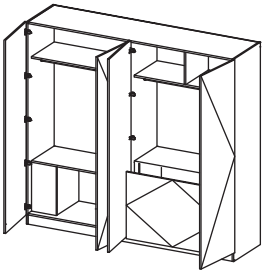

MS 333 PL

TA4C03

Tủ áo 4 cánh
W1800 x D600 x H2200mm

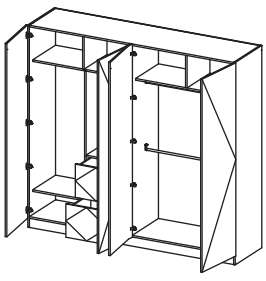

MS 611 EV

TA4C05

Tủ áo 4 cánh
W2000 x D600 x H2200mm

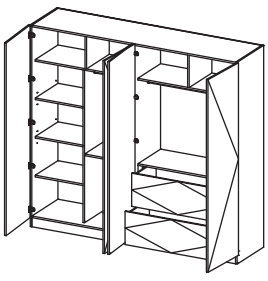

MS 413 MM

TA4C06

Tủ áo 4 cánh
W2200 x D600 x H2200mm

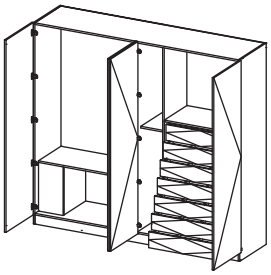

MS 407 PL

TA4C01

Tủ áo 4 cánh
W2400 x D600 x H2200mm

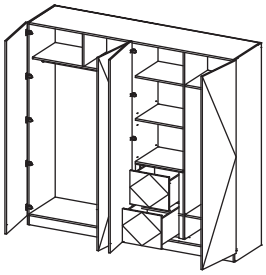

LK PL2205

TA4C07

Tủ áo 4 cánh
W1800 x D600 x H2200mm

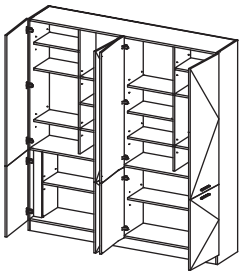

TA4CT01

Tủ áo hộc trên 4 cánh
W2000 x D600 x H320mm

MS 424 RM | LK 700 A

TATL01

Tủ áo TOPLINE 2 cánh
W1600 x D600 x H2200mm

MS 104 SH | PARC 01

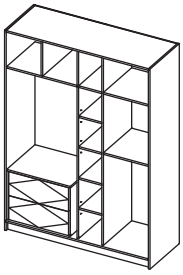

TATL01

Tủ áo TOPLINE 2 cánh
W2300 x D600 x H2200mm

MS 413 MM | MS 106 SH

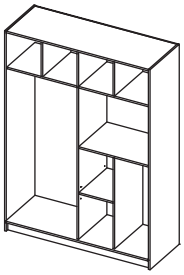

PARC 28 | PARC 05

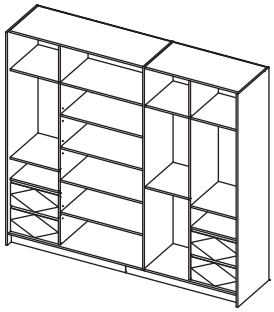

TATL03

Tủ áo TOPLINE 3 cánh
W3000 x D600 x H2200mm

MS 104 MM

WARDROBE | **TỦ ÁO**

TAWL01

Tủ áo WINGLINE
W1800 x D600 x H2200mm

MS 407 PL | PARC 01

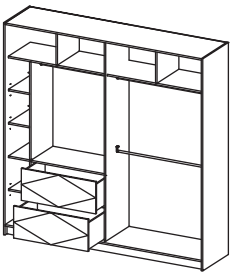

TAWL02

Tủ áo WINGLINE
W2000 x D600 x H2200mm

MS 106 SH

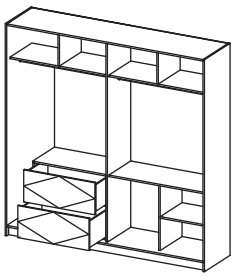

TAWL03

Tủ áo WINGLINE
W2000 x D600 x H2200mm

MS 104 SH

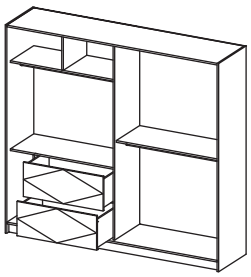

TAWSET 01

Tủ áo WALK-IN CLOSET
TAW03 / TAW05 / TAW18 / MODULE W TỦ BẾP
W4000 x D600 x H2800mm

MS 204 SH | MS 410 MM

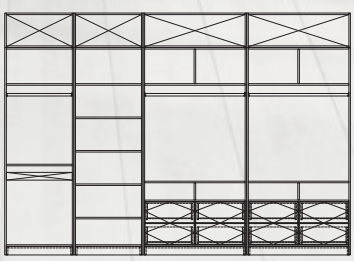

TAWSET 02

Tủ áo WALK-IN CLOSET
TAW25 / TAW03 / TAW12 / TAW02 / MODULE W TỦ BẾP
W5200 x D600 x H2800mm

MS 204 SH

MS 410 MM

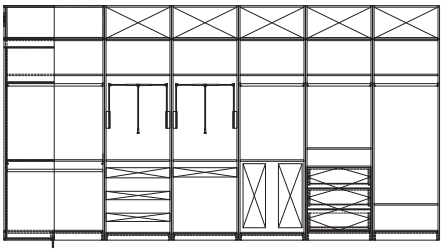

TAWSET 03

Tủ áo WALK-IN CLOSET
TAW25 / TAW22 / TAW24 / MODULE W TỦ BẾP
W4800 x D600 x H2800mm

MS 413 MM

MS 104 SH

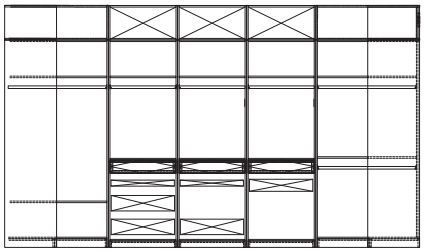

TASLR56-2

Tủ áo SIDELINE
W1400 x D600 x H2200mm

MS 23015 T | MS 107 SMM

TASLR56-1

Tủ áo SIDELINE
W1400 x D600 x H2200mm

MS 405 PL

TAGT02

Tủ áo góc
W550 x D580 x H2200mm

MS 421 RM | MS 104 SH

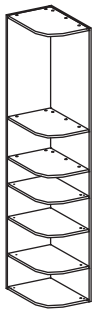

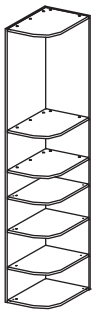

TAGP02

Tủ áo góc
W550 x D580 x H2200mm

MS 424 RM | PARC 01

TAGP01

Tủ áo góc phải
W1200 x D600 x H2200mm

MS 405 PL | MS 104 SH

TAGT01

Tủ áo góc trái
W1200 x D600 x H2200mm

MS 407 PL | EARC 42

TAGPT01

Tủ áo góc phải trên
W1200 x D600 x H400mm

MS 202 MM | LK 1191 A

TAGTT01

Tủ áo góc trái trên
W1200 x D600 x H400mm

LK 8004 G | LK 102 A

MS 406 PL | EARC 42

VANITY

TỦ VANITY / TỦ GƯƠNG

VANITY SET01

GU07

Dimension / Kích thước (mm)
W800 x D36 x H1100mm

MS 437 SMM

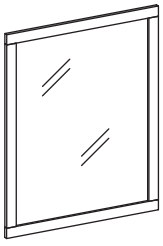

LA06

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D600 x H450mm

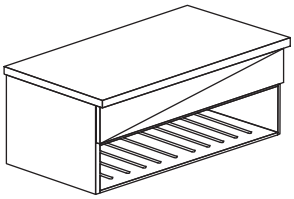

VANITY SET02

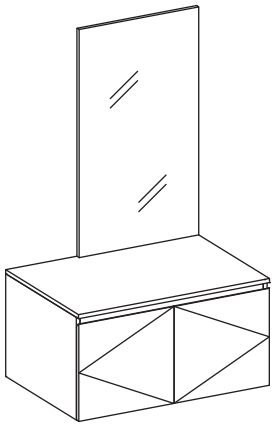

LA01

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D600 x H450mm

MS 411 MM | PARC 01

VANITY SET03

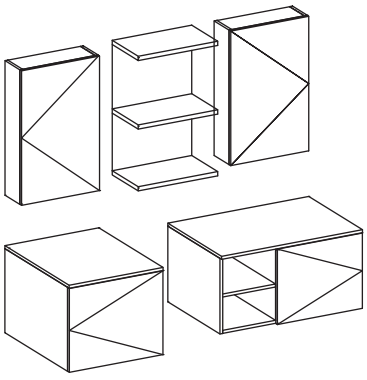

GU03.MT/GU04/ GU03.MP

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D170 x H900mm

LA05 / LA04

Dimension / Kích thước (mm)
W1800 x D600 x H450mm

MS 410 MM | PARC 01

VANITY SET04

GU05

Dimension / Kích thước (mm)
W300 x D250 x H900mm

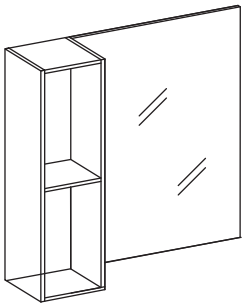

LA03

Dimension / Kích thước (mm)
W1200 x D600 x H450mm

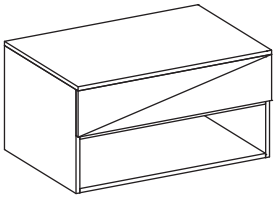

PARC 01

MS 437 SMM

VANITY SET05

GU02

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D170 x H800mm

LK PL2205

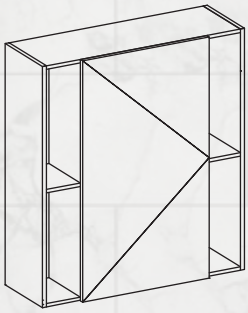

LA03

Dimension / Kích thước (mm)
W900 x D600 x H450mm

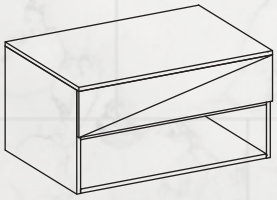

VANITY SET06

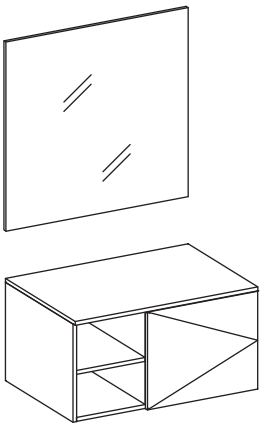

LA04

Dimension / Kích thước (mm)
W1000 x D600 x H450mm

MS 414 MM

VANITY SET07

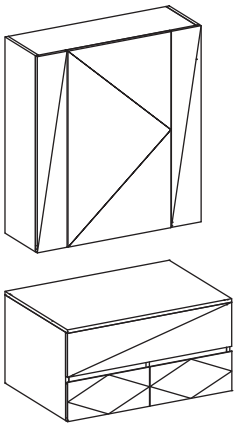

GU01

Dimension / Kích thước (mm)
W1000 x D170 x H800mm

LA02

Dimension / Kích thước (mm)
W1000 x D600 x H450mm

MS 428 RL | PARC 01

CĂN HỘ

1 PHÒNG NGỦ / *APARTMENT WITH ONE BEDROOM*

Cuộc sống luôn là những cân nhắc và lựa chọn trong đó lựa chọn tổ ấm luôn là một trong những ưu ái được đưa lên hàng đầu. Thấu hiểu những gì khách hàng mong muốn chúng tôi xin giới thiệu tới các bạn mẫu căn hộ chung cư 1 phòng ngủ 45m^2 đang được quan tâm nhiều nhất hiện nay.

Sự khéo léo nằm gọn trong không gian xinh xắn này. Một phòng ngủ đầy đủ tiện nghi với lối thiết kế hiện đại nhưng cũng rất gần gũi, một không gian phòng khách hướng ra ban công qua khung cửa rộng, phòng ăn kết hợp khéo léo với nhà bếp tạo sự ấm cúng. Phòng tắm nằm độc lập nhưng lại liên kết với các khu sinh hoạt tạo sự thoải mái và thuận tiện.

Căn hộ như một chiếc ngăn kéo trong đó có sự phân khu tỷ lệ rất hợp lý. Một nửa không gian là sự chia sẻ của phòng khách và nhà bếp thông nhau. Nửa không gian còn lại là sự ưu ái cho phòng ngủ rộng và nhà tắm. Nội thất đơn giản là điểm cộng tối ưu cho căn hộ này.

CĂN HỘ

2 PHÒNG NGỦ / *APARTMENT WITH TWO BEDROOMS*

KHÁM PHÁ CĂN HỘ 2 PHÒNG NGỦ VỚI GỖ NỘI THẤT

Nội thất căn hộ 2 phòng ngủ được hiện thực hóa vô cùng sống động trên ứng dụng thực tế những màu gỗ theo xu hướng mới nhất. Các chi tiết và màu sắc được chọn lọc từ vách, trần, cửa, tủ , ván sàn … đem đến một sức hút đầy mê hoặc cho bất kì vị khách nào lần đầu tiên đến tham quan.

ỨNG DỤNG KHÔNG GIAN SỐNG 76m^2 CỦA MỘT CĂN HỘ 2 PHÒNG NGỦ

Với thiết kế theo phong cách của chủ nhân là những người đã có gia đình. Căn hộ 2 phòng ngủ với sự chuyển biến linh hoạt không gian từ phòng khách đầy tinh tế và ấm cúng đến nhà bếp tiện nghi và rộng rãi, không gian phòng ngủ chính thoải mái và sang trọng đến phòng ngủ trẻ em nhiều không gian và màu sắc.

Hiện nay, trong thiết kế nội thất ứng dụng đóng và mở cánh cửa (tủ) mà không cần lắp thêm tay nắm, phụ kiện, mang lại sự đồng nhất trong thiết kế nhận được nhiều sự quan tâm của khách hàng. Với giải pháp này sẽ giúp sản phẩm nội thất gọn gàng và hiện đại đồng thời tiết kiệm được các chi phí phụ kiện cũng như thời gian lắp đặt. Toàn bộ thiết kế tập trung vào vật liệu và tính năng của sản phẩm nhằm tối ưu diện tích sử dụng và tối giản phù hợp với phong cách nội thất hiện nay.

Với dây chuyền máy móc và công nghệ hiện đại hàng đầu Việt Nam, An Cường mang đến giải pháp sản xuất cánh cửa tủ kiểu mới gọn gàng hơn, sang trọng hơn bằng các giải pháp tay nắm U, J ,K, Z thay vì sử dụng các tay nắm cửa thông thường: bên cạnh công nghệ dán cạnh không tạo khe hở giúp tăng độ bền và thời gian sử dụng của lõi gỗ bên trong.

CĂN HỘ

3 PHÒNG NGỦ / *APARTMENT WITH THREE BEDROOMS*

Việc trang trí nội thất một cách hợp lý sẽ giúp cảm giác thoải mái mỗi khi trở về nhà, tiếp thêm năng lượng cho các thành viên gia đình. Chính vì vậy hiện nay ngoài việc chú trọng đến kết cấu hạ tầng, không ít gia chủ còn quan tâm đến phong cách nội thất bên trong của căn hộ để tạo được không gian sống tiện ích, hiện đại và ấn tượng cho mình.

Được xem là "mặt tiền" của không gian sống, phòng khách giữ một vị trí hết sức quan trọng trong ngôi nhà, trước hết là vì đó là nơi tiếp đón khách quý đến nhà, nơi tụ họp của người thân trong gia đình. Nói cách khác, phòng khách đảm đương vai trò "đối ngoại" lẫn "đối nội" của nhiều gia đình.

Song hành cùng thiết kế nội thất thì thiết kế ánh sáng là điều đặc biệt quan trọng cho một ngôi nhà hoàn hảo. Nhờ biết cách Tận dụng ánh sáng hợp lý từ thiên nhiên và sử dụng nội thất làm từ gỗ An Cường, phòng khách trở nên thông thoáng và thanh lịch hơn.

Phòng ngủ được thiết kế tinh tế, kết hợp khéo léo giữa các gam màu, các vật dụng trang trí theo kích thước hài hòa để tạo được sự hoàn hảo cho không gian riêng của gia chủ.

Phong cách hòa quyện cùng công năng thông qua cách bố trí tinh tế kết hợp với các đặc điểm hoàn thiện mềm mại.

Lựa chọn tone màu gỗ khéo léo kết hợp với gam màu nâu sáng của Acrylic bóng gương PARC52 để tạo điểm nhấn và sự ấm cúng vào không gian phòng ngủ của ngôi nhà

Sở hữu diện tích không quá lớn, nhưng nhờ cách tiết chế màu sắc, cách lựa chọn kích thước vật dụng, cách bài trí vật dụng đã giúp cho không gian chung của căn hộ trở nên hoàn mỹ đến bất ngờ.

MANUFACTURING

NHÀ MÁY

E11

AN CƯỜNG®
Wood - Working Materials

VIETNAM OFFICES

HCM One-Stop Shopping Center
279 Nguyen Van Troi Str, Ward 10,
Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City
T (84.28) 3844 1884
F (84.28) 3997 0135
E infoacc@ancuong.com

An Cuong Head Office
702/1K Su Van Hanh Street, Ward 12,
District 10, Ho Chi Minh City
T (84.28) 3862 5726
F (84.28) 3862 5727
E infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Gallery and Design Center
Block A-Happy Valley, 816 Nguyen Van Linh Street,
Tan Phong Ward, District 7, Ho Chi Minh City
T (84.28) 7300 9822
E infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Depot 1
162 Tan Huong Street, Tan Quy Ward,
Tan Phu District, Ho Chi Minh City
T (84.28) 3847 2078
F (84.28) 3847 2068
E infoacc@ancuong.com

An Cuong Show Depot 2
Section No. 2, Lot 5-1, M12 Street,
Extended Tan Binh Industrial zone, Binh Hung Hoa Ward,
Binh Tan District, Ho Chi Minh City
T (84.28) 3620 5633
F (84.28) 3620 5636

An Cuong Factory Outlet
DT 747 B Phuoc Hai, Thai Hoa,
Tan Uyen, Binh Duong
T (84.274) 3626 282
F (84.274) 3626 284
E infoacc@ancuong.com

Ha Noi Show Gallery and Design Center
Villa C4-N08-B The new urban area Dich Vong,
Cau Giay District, Ha Noi
T (84.24) 6281 4719
F (84.24) 6281 4729
E infoacc@ancuong.com

Ha Noi One-Stop Shopping Center
10 Chuong Duong Do Street,
Hoan Kiem District, Ha Noi
T (84.24) 3936 3388
F (84.24) 3823 8929
E infoacc@ancuong.com

Da Nang Show Gallery and Design Center
75 Hoang Dieu Street,
Hai Chau District, Da Nang
T (84.236) 388 6191
F (84.236) 383 9459
E infoacc@ancuong.com

Da Nang One-Stop Shopping Center
451 Dien Bien Phu Street
Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang
T (84.236) 730 7899
F (84.236) 362 5729
E infoacc@ancuong.com

INTERNATIONAL OFFICES

Malaysia Office and Showroom
B2-12-2 Dataran Niaga SG Besi,
Midfields Square East, Jin 11/108C,
57100 Kuala Lumpur
T +60 12 290 6486
E infoacc@ancuong.com

Japan Office via Sumitomo Forestry Group
Timber & Building Materials Division
Business Planning Department
1-3-2 Otemachi, Chiyoda-Ku
Tokyo 100-8270, Japan
T +81 3 3214 3280
E infoacc@ancuong.com

Australia Office via Antry Pty Ltd
45 Welshpool Road,
Welshpool Western Australia 6106
T +61 8 9472 8131
E infoacc@ancuong.com

Canada Office via Zen living
Bay 1- 4216 61 Avenue S.E
Calgary Alberta Canada, T2C 1Z5
T +1403 720 928
E infoacc@ancuong.com

America Office
752 Breen Ct
Woodland CA 95776, USA
T +1 916 807 0475
E infoacc@ancuong.com

Cambodia Office and Showroom
S.I Building, # 93, Preah Sihanouk Blvd,
Phnom Penh
T +855 97 457 7658
E infoacc@ancuong.com

www.ancuong.com
fb.com/ancuongcompany